

Số: 75 /KH-TMN

Nghĩa Lâm, ngày 01 tháng 10 năm 2024

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 Ban hành Điều lệ trường mầm non;

Căn cứ CTGDMN ban hành theo Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ GDĐT;

Căn cứ quyết định số 1708/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ công văn số 1622/SGDDĐT-GDMN ngày 03 tháng 9 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục mầm non năm học 2024-2025;

Căn cứ công văn số 503/PGDDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục mầm non năm học 2024-2025;

Căn cứ kế hoạch số 548/PGDDĐT ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Nghĩa Hưng kế hoạch chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ Giáo dục Mầm non năm học 2024-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 67KH/TMN ngày 28 tháng 9 năm 2024 của trường mầm non xã Nghĩa Lâm về việc thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025;

Căn cứ vào chủ đề năm học 2024-2025 “Đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng, đoàn kết kỷ cương”;

Căn cứ định hướng, nhiệm vụ giáo dục trọng tâm của Sở GD&ĐT; phòng GD&ĐT và điều kiện cơ sở vật chất; đặc điểm về văn hóa, các nguồn lực khác của địa phương; trường lớp;

Căn cứ vào đặc điểm và khả năng thực tế của trẻ trong nhà trường;

Trường Mầm non xã Nghĩa Lâm xây dựng Kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non năm học 2024-2025, như sau:

A. MỤC ĐÍCH:

Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non dựa trên Chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành.

Việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non nhằm giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

Cán bộ, giáo viên nhà trường nghiêm túc thực hiện nội dung Chương trình GDMN theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo; Xây dựng các loại kế hoạch giáo dục nhóm lớp đầy đủ, phù hợp. Chủ động, linh hoạt trong việc lựa chọn, bổ sung, thay thế hoạt động cho phù hợp với chủ đề, phù hợp với trẻ và phù hợp với thực tế nhóm lớp, nhà trường, địa phương. Hoàn thành chương trình đúng thời gian và đảm bảo chất lượng.

B. YÊU CẦU:

Cán bộ, giáo viên nhà trường nghiêm túc thực hiện nội dung Chương trình GDMN theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo; Xây dựng các loại kế hoạch giáo dục nhóm lớp đầy đủ, phù hợp. Chủ động, linh hoạt trong việc lựa chọn, bổ sung, thay thế hoạt động cho phù hợp với chủ đề, phù hợp với trẻ và phù hợp với thực tế nhóm lớp, nhà trường, địa phương. Hoàn thành chương trình đúng thời gian và đảm bảo chất lượng.

C. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN:

I. THUẬN LỢI

Năm học 2024 - 2025 là năm học tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05- CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; gắn với phong trào thi đua “Dạy tốt, học tốt”; Cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”; tiếp tục thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021-2025.

Trường Mầm non xã Nghĩa Lâm luôn được sự quan tâm, sự chỉ đạo của Đảng ủy, HĐND, UBND xã, Phòng GD-ĐT Nghĩa Hưng. Các bậc cha mẹ học sinh luôn tham gia nhiệt tình ủng hộ, luôn phối kết hợp tốt trong việc chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ và các hoạt động của nhà trường.

Đội ngũ giáo viên có năng lực chuyên môn cao, tổng số có 30 CB, GV đạt trình độ chuẩn trở lên, trong đó: Trình độ CBGV đại học: 12; Cao đẳng: 18. Tập thể nhà trường đoàn kết, nhiệt tình, tâm huyết với nghề, tận tụy với công việc và luôn tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đội ngũ giáo viên trẻ năng động, nhạy bén tiếp cận với chương trình GDMN, ứng dụng tốt CNTT và luôn

đi đầu trong các phong trào và các hoạt động của lớp, của trường cũng như của ngành phát động.

Thường xuyên được tham gia các lớp tập huấn, trao đổi kinh nghiệm, tham gia học tập nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ nhất là các phương pháp giáo dục tiên tiến như: Stem/ Steam, Montessori, Tôi yêu Việt Nam.....

Cơ sở vật chất ngày càng được nâng cao, phòng nhóm lớp trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi, đồ dùng sinh hoạt đầy đủ phù hợp. Từng bước đáp ứng với nhu cầu phục vụ công tác chăm sóc và nuôi dạy trẻ cũng như nhu cầu giáo dục mầm non mới.

II. KHÓ KHĂN

CSVC nhà trường đã xây dựng và đưa vào sử dụng từ năm 2011(khu A); 2013 (khu B), đang xuống cấp mặc dù đã được UBND xã cũng như nhà trường nâng cấp và tu sửa thường xuyên, kịp thời tuy nhiên chưa được đồng bộ nên còn cũ nát. Trường còn thiếu 1 số phòng chức năng cho trẻ hoạt động.

Tuy đội ngũ GV đã được trẻ hóa, nhưng vẫn còn một số GV chưa nhiều kinh nghiệm chăm sóc trẻ do vậy có nhiều hạn chế về việc sử dụng công nghệ thông tin, máy vi tính và việc ứng dụng cho trẻ được tiếp cận PPGD tiên tiến còn khó khăn, nên còn hạn chế trong việc đáp ứng được nhu cầu đổi mới của chương trình GDMN hiện nay.

Đa số phụ huynh trong trường chủ yếu làm công nhân dệt may, thuần nông, do vậy mức thu nhập của gia đình các cháu còn thấp, chưa ổn định dẫn đến điều kiện chăm lo cho con em của nhiều gia đình còn hạn chế.

Từ những phương hướng chung và đặc điểm tình hình của nhà trường, trong năm học 2024-2025 nhiệm vụ như sau:

D. KẾ HOẠCH CỤ THỂ

I. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON BAO GỒM

1. Chương trình giáo dục nhà trẻ 18 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi;
2. Chương trình giáo dục mẫu giáo (3-4 tuổi, 4-5 tuổi, 5-6 tuổi)

II. THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Tất cả các độ tuổi trong nhà trường thực hiện 35 tuần (Từ ngày 09/9/2024 đến ngày 16/5/2025)

- Kỳ I: 19 tuần (Từ ngày 9/9/2024 đến ngày 17/01/2025)

- Kỳ II: 16 tuần (Từ ngày 20/01/2025 đến ngày 16/5/2025)

Nhà trẻ 18-24 tháng tuổi: Thực hiện theo 9 tháng, 35 tuần

Nhà trẻ 24-36 tháng tuổi Thực hiện theo 10 chủ đề, 35 tuần

Trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi: Thực hiện 10 chủ đề, 35 tuần

Trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi: Thực hiện 10 chủ đề, 35 tuần

Trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi: Thực hiện 10 chủ đề, 35 tuần

III. QUY MÔ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Thực hiện chương trình GDMN ở 13/13 nhóm lớp.

Thực hiện chương trình giáo dục nhà trẻ 18 tháng tuổi đến 24 tháng tuổi;

Thực hiện chương trình giáo dục nhà trẻ 24 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi;

Chương trình giáo dục mẫu giáo (3-4 tuổi, 4-5 tuổi, 5-6 tuổi)

Thực hiện chương trình nhà trẻ ở 4 nhóm, số cháu cháu:

Thực hiện chương trình mẫu giáo ở 9 lớp, số cháu cháu:

Thực hiện chương trình 3-4 tuổi: 3 lớp, số cháu cháu

Thực hiện chương trình 4-5 tuổi: 3 lớp, số cháu cháu

Thực hiện chương trình 5-6 tuổi: 3 lớp, số cháu cháu.

IV. NỘI DUNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Độ tuổi nhà trẻ 18-24 tháng:

1.1. Mục tiêu, nội dung giáo dục:

Lĩnh vực	Mục tiêu giáo dục năm học	Nội dung giáo dục năm học
I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	* Thực hiện các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	
	MT 1: Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi Trẻ 18 tháng: + Cân nặng: Trẻ trai: 8,8-13,7kg; trẻ gái: 8,1-13,2kg. + Chiều dài: Trẻ trai: 76,9-87,7cm; trẻ gái: 74,9-86,5cm. Trẻ 24 tháng: + Cân nặng: Trẻ trai: 9,7-15,3kg; trẻ gái: 9,1-14,8kg. + Chiều dài: Trẻ trai: 81,7-93,9cm; trẻ gái: 80,0-92,9cm.	

	MT 2: Trẻ bắt chước một số động tác theo cô: giơ cao tay - đưa về phía trước - sang ngang.	Hô hấp: tập hít thở + Tay: giơ cao, đưa phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau. + Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên. + Chân: ngồi, chân dang sang 2 bên, nhấc cao từng chân, nhấc cao 2 chân. dang sang 2 bên, ngồi xuống, đứng lên.
* Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu		
	- MT 3: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên hai tay và đi hết đoạn đường 1,8-2m. <i>Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi đi có mang vật trên tay</i>	Tập đi, chạy: + Đi theo hướng thẳng + Đi trong đường hẹp + Đi bước qua vật cản + Tập bước lên xuống bậc thang + Đi có mang vật trên tay
	- MT 4: Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay, mắt biết lăn-bắt bóng với cô. <i>Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay-chân khi tung-bắt bóng cùng cô.</i>	- Tập tung, ném: + Ngồi lăn bóng + Đứng ném, tung bóng + Tung-bắt bóng cùng cô
	- MT 5: Phối hợp tay, chân, cơ thể trong bò, trườn chui qua vòng, qua vật cản.	Tập bò, trườn; + Bò trườn tới đích + Bò chui (dưới dây/gậy kê cao)
	- MT 6: Thể hiện sức mạnh của	- Tập tung, ném

cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném bằng 1 tay lên phía trước được khoảng 1,2m; đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5m. <i>Trẻ biết thể hiện sức mạnh của cơ bắp để ném bóng vào đích</i>	+ Ngồi lăn bóng + Đứng ném, tung bóng + <i>Ném bóng vào đích</i>
*Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay	
- MT 7: Nhặt được các vật nhỏ bằng hai ngón tay.	- Co duỗi ngón tay, đan ngón tay - Cầm bóp, gõ đóng đồ vật - Đóng mở nắp có ren - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay.
- MT 8: Tháo lắp, lồng được 3-4 hộp tròn, xếp chồng được 2-3 khối trụ. <i>Trẻ biết tháo lắp, xếp chồng được 4-5 khối trụ.</i>	- Tháo lắp, lồng hộp tròn, vuông - Xếp chồng 3-4 khối. - <i>Xếp chồng 4-5 khối</i>
Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
Có một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt	
- MT 9: Thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau.	+ Làm quen với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau.
- MT 10: Ngủ 1 giấc buổi trưa	+ Làm quen với chế độ ngủ một giấc
- MT 11: Biết gọi người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh.	- Gọi cô khi bị ướt, bẩn. - Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu đi vệ sinh.

*Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe	
- MT 12: Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước). <i>Trẻ chủ động làm một số việc như xúc ăn, uống nước.</i>	+ Luyện một số thói quen trong sinh hoạt: ăn chín, uống sôi, rửa tay bằng xà phòng, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn, vứt rác đúng nơi quy định. + Tự xúc cơm ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc. + Tập ngồi vào bàn ăn. + Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, uống, ngủ, đi VS. + <i>Trẻ tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc.</i>
*Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn	
- MT 13: Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, bàn là, xô nước, giếng...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm: nước nóng, ổ điện, chậu nước ... không được phép sờ vào hoặc đến gần.
- MT 14: Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh (như không leo trèo bàn ghế, lan can ...) trong khi chơi.
* Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan.	
- MT 15: Sờ nắn, nhìn, nghe.... để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	+ Tìm đồ chơi vừa mới cất dấu + Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh. + Sờ nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh.

II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		+ Ngửi mùi của một số hoa, quả quen thuộc gần gũi. + Nếm vị của một số quả (ngọt-mặn-chua), thức ăn.
	* Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi	
	- MT 16: Bắt chước một số hành động đơn giản của những người thân.	+ Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của con vật quen thuộc.
	- MT 17: Chỉ hoặc nói được tên của mình và những người gần gũi khi được hỏi.	+ Nhận biết tên và một vài đặc điểm bên ngoài của bản thân. + Tên của một số người thân gần gũi trong gia đình, nhóm lớp.
	- MT 18: Chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận cơ thể của người khi được hỏi	+ Tên một số bộ phận của cơ thể mắt, mũi, miệng, tay, tai, chân...
	- MT 19: Chỉ /lấy/nói tên đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.	+ Tên, đặc điểm công dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. + Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc.
	- MT 20: Chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn. <i>Trẻ có kĩ năng nhận biết màu sắc: Xanh, đỏ, vàng</i>	- Chỉ và lấy được đồ vật có màu xanh, màu đỏ theo yêu cầu, gợi ý của cô. - Màu đỏ, xanh - Kích thước to-nhỏ - Nhận biết màu: Đỏ-xanh; đỏ-vàng.
	*Nghe hiểu lời nói	

III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	Nghe - MT 21: Thực hiện được các yêu cầu đơn giản: đi đến đây, đi rửa tay...	Nghe + Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói. + Nghe các câu hỏi: (ở đâu?, con gì? Thế nào? Cái gì? Làm gì?).
	Nói - MT 22: Hiểu được từ “ Không” dùng hành động khi nghe “ Không được lấy”, “Không được sờ”.	Nói + Hiểu được từ “Không” dùng hành động khi nghe “Không được lấy, không được sờ”.
	- MT 23: Trả lời được câu hỏi đơn giản “ Ai đây? Con gì đây? Cái gì đây?”. <i>Trẻ biết nói được đa dạng các câu đơn: Con yêu mẹ; cháu yêu bà...</i>	+ Trả lời và đặt câu hỏi (con gì? Làm gì?...). + <i>Trẻ nói được nhiều câu đơn</i>
	* Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu	
	- MT 24: Nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: Con Vịt, vịt bơi, Bé đi chơi...	+ Đọc theo, đọc tiếp cùng cô câu ngắn
	- MT 25: Đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc. <i>Trẻ biết đọc rõ lời các bà thơ ngắn</i>	+ Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ. + <i>Trẻ đọc thuộc bài thơ ngắn</i>
	*Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp	
	- MT 26: Trẻ nói được câu đơn, 2 - 3 tiếng: Con đi chơi, bóng đá, mẹ	+ Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói.

	đi làm...	+ Thể hiện nhu cầu mong muốn của mình bằng những câu đơn giản.
	- MT 27: Chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân(Cháu uống nước, cháu muốn...).	- Thể hiện nhu cầu mong muốn của mình bằng những câu đơn giản. + Trả lời các câu hỏi: Cái gì? Làm gì? Con gì?... + Phát âm các âm khác nhau. + Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi. + Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ.
IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ	*Biểu lộ sự nhận thức về bản thân	
	- MT 28: Nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (Chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi).	+ Nhận biết tên gọi, hình ảnh bản thân
	*Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi	
	- MT 29: Biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi.	- Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh
	- MT 30: Cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình với người xung quanh.	- Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.
	- MT 31: Thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật	- Tập sử dụng đồ dùng đồ chơi - Quan tâm đến các con vật

THẨM MỸ	* Thực hiện hành vi xã hội đơn giản	
	- MT 32: Chào, tạm biệt, khi được nhắc nhở.	+ Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp như: Chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ ạ, dạ
	- MT33: Bắt chước được một vài hành vi xã hội (bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...).	- Thực hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)
	- MT 34: Làm theo được một số yêu cầu của người lớn.	- Chơi đoàn kết với bạn bè trong lớp. - Biết thực hiện một số quy định đơn giản ở lớp: Để đồ chơi vào đúng nơi quy định.
	* Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/ tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh	
	- MT 35: Thích nghe hát và vận động theo nhạc(giậm chân, lắc lư, vỗ tay...).	+ Nghe hát, nghe nhạc , nghe âm thanh của các nhạc cụ + Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc.
	- MT 36: Thích vẽ, xem tranh.	+ Tập cầm bút vẽ + Xem tranh

1.2. Dự kiến các chủ đề thực hiện trong năm học độ tuổi nhà trẻ 18-24 tháng:

T T	Tháng	Tên chủ đề nhánh	Số tuần thực hiện	Thời gian thực hiện	Các sự kiện

1	BÉ VÀ CÁC BẠN (THÁNG THỨ NHẤT)	Bé là ai-Tết trung thu	1	09/09-13/09	<i>Tết trung thu</i>
		Bé là ai	1	16/09-20/09	
		Các bạn của bé	1	23/09-27/09	
		Các bạn của bé	1	30/09-04/10	
2	ĐỒ DÙNG ĐỒ CHƠI CỦA BÉ (THÁNG THỨ HAI)	Đồ chơi của bé	1	07/10- 11/10	
		Đồ chơi của bé	1	14/10-18/10	<i>Ngày 20/10 thành lập HLHPN</i>
		Đồ dùng của bé	1	21/10-25/10	
		Đồ dùng của bé	1	28/10-01/11	
3	CÔ GIÁO CỦA BÉ (THÁNG THỨ BA)	Công việc của các cô giáo	1	04/11-08/11	
		Tuần 2 tháng 11: Hội thi đồ dùng thiết bị dạy học			
		Công việc của các cô giáo	1	11/11-15/11	
		Các bác, các cô trong trường	1	18/11- 22/11	<i>Ngày nhà giáo VN 20/11</i>
4	GIA ĐÌNH CỦA BÉ (THÁNG THỨ TƯ)	Gia đình bé có ai	1	25/11- 29/11	
		Gia đình bé có ai	1	02/12- 06/12	
		Đồ dùng trong gia đình bé	1	09/12- 13/12	
		Đồ dùng trong gia đình bé	1	16/12- 20/12	<i>Ngày TL QĐNDVN 22/12</i>
5	NHỮNG CON	Những con vật nuôi trong gia đình	1	23/12- 27/12	<i>Giáng sinh 25/12</i>

	VẬT ĐÁNG YÊU (THÁNG THỨ NĂM)	Những con vật nuôi trong gia đình	1	30/12-03/01	Tết DL01/01
		Những con vật sống trong rừng	1	06/01-10/01	
		Những con vật sống dưới nước	1	13/01- 17/01	
6	NGÀY TẾT VÀ MÙA XUÂN (THÁNG THỨ 6).	Bé đón tết vui vẻ (Hội xuân)	1	20/01-24/01	
		27/01/2024 ĐẾN 31/01/2024 NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN			
		Mùa xuân và ngày tết trồng cây	1	03/02-07/02	
		Bé với mùa xuân	1	10/02-14/02	
		Mùa xuân và ngày tết trồng cây	1	17/02-21/02	
7	CÂY, CỦ, QUẢ VÀ NHỮNG BÔNG HOA ĐẸP (THÁNG THỨ BẢY)	Những bông hoa đẹp	1	24/02-28/02	
		Bé thích rau gì	1	03/03-07/03	Ngày quốc tế phụ nữ 08/03
		Những loại quả mà bé thích	1	10/03-14/03	
		Những loại quả mà bé thích	1	17/03-21/03	
8	BÉ THÍCH ĐI BẰNG PHƯƠNG TIỆN	Bé thích đi bằng phương tiện giao thông đường bộ	1	24/03-28/03	
		Bé thích đi bằng phương tiện giao thông đường bộ	1	31/03-04/04	Tết hàn thực 03/03AL(11

	GIAO THÔNG GÌ? (THÁNG THỨ TÁM)				/04DL)
		Bé thích đi bằng phương tiện giao thông đường thủy	1	07/04-11/04	
		Bé thích đi bằng phương tiện giao thông đường thủy	1	14/04-18/04	Giỗ tổ Hùng Vương 10/03AL(18 /04DL)
9	MÙA HÈ VỚI BÉ (THÁNG THỨ CHÍN)	Mùa hè đến rồi	1	21/04-25/04	
		Mùa hè đến rồi	1	28/04-02/05	Ngày GPMN 30/04 và QTLĐ 1/5
		Trang phục mùa hè	1	05/05-9/05	
		Trang phục mùa hè	1	12/05-16/05	
19/5 - 23/5 ĐÁNH GIÁ TRẺ CUỐI NĂM HỌC					
26/5 - 30/5 LUYỆN TẬP VĂN NGHỆ CHÀO MỪNG NGÀY QUỐC TÊ THIẾU NHI 01/06 - TỔNG KẾT NĂM HỌC 2024-2025					

2. Độ tuổi nhà trẻ 24-36 tháng:

2.1. Mục tiêu, nội dung giáo dục độ tuổi nhà trẻ 24-36 tháng:

Lĩnh vực	Mục tiêu giáo dục năm học	Nội dung giáo dục năm học
	* Thực hiện các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	
	MT1: Trẻ khoẻ mạnh, cân nặng phát triển bình thường theo độ tuổi	

I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	Trẻ 24 tháng: + Cân nặng: Trẻ trai: 9,7-15,3kg; trẻ gái: 9,1-14,8kg. + Chiều dài: Trẻ trai: 81,7-93,9cm; trẻ gái: 80,0-92,9cm. Trẻ 36 tháng: + Cân nặng: Trẻ trai: 11,3-18,3kg; trẻ gái: 0,8-18,1kg. + Chiều dài: Trẻ trai: 88,7-103,5cm; trẻ gái: 87,4-102,7cm	
	- MT 2: Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: Hít thở, tay, lưng bụng, chân.	* Hô hấp: hít vào thở ra * Tay - Tay: giơ - Lưng bụng: Trẻ cúi xuống hai tay giơ cao đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa tay ra sau kết hợp với lắc bàn tay * Lưng, bụng lườn; - Lưng bụng lườn: cúi về phía trước Nghiêng người sang 2 bên , vịn người sang 2 bên * Chân - Ngồi xuống đứng lên, co duỗi từng chân
	* Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu	
	- MT 3: Giữ được thăng bằng trong VĐ đi, chạy, thay đổi tốc độ nhanh-chậm theo cô và đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	+ Đi đều bước + Đi theo hiệu lệnh + Đi theo đường hẹp + Đi trong đường hẹp + Đi có mang vật trên tay + Chạy nhanh theo hướng thẳng + Chạy chậm theo hướng thẳng

	<i>Trẻ biết đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh của cô</i>	+ Đứng co chân - <i>Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh</i>
	- MT 4: Thực hiện phối hợp vận động tay, mắt để tung bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m, ném vào đích xa 1-1,2m. <i>Trẻ biết phối hợp tay-mắt, dùng sức mạnh của đôi bàn tay để đập bóng; Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc.</i>	- Tập tung,ném,bắt + Tung bắt bóng cùng cô + Ném bóng về phía trước + Ném bóng vào đích - <i>Đập bóng; Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc.</i>
	- MT 5: Phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật trên lưng. <i>Trẻ biết phối hợp tay chân - mắt bò theo đường zíc zắc</i>	- Tập bò - trườn + Bò theo hướng thẳng và có vật mang trên lưng + Bò chui qua cổng + Bò trong đường hẹp + Bò trườn qua vật cản - <i>Bò theo đường zíc zắc</i>
	- MT 6 : Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném , đá bóng, ném xa lên phía trước bằng 1 tay (tối thiểu 1,5m).	+ Ném bóng về phía trước + Ném bóng vào đích
	*Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay	
	- MT 7: Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay thực hiện “múa khéo”. - MT 8: Phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay và phối hợp	+ Xoa tay chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đào, vò, xé, nhón nhặt đồ vật + Tập sâu, luồn dây, cài, cởi

	tay, mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn vẽ tổ chim, xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	cúc, buộc dây + Đóng cọc bàn gỗ. + Nhón nhặt đồ vật. + Chắp ghép hình. + Chồng, xếp 6-8 khối. + Tập cầm bút tô, vẽ. + Lật mở trang sách.
*Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
*Có một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt		
	- MT 9: Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được nhiều các loại thức ăn khác nhau. <i>Trẻ biết một số thực phẩm quen thuộc: Cá, thịt, rau, lạc, vừng, ăn hoa quả và uống sữa...</i>	+ Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. + Trò chuyện về các món ăn hàng ngày của trẻ + Xem tranh ảnh, video bữa ăn gia đình. - <i>Nhận biết tên một số thực phẩm quen thuộc: Cá, thịt, trứng...</i>
	- MT 10: Ngủ 1 giấc buổi trưa	+ Luyện tập một số quen ngủ 1 giấc trưa + Tập bê gối đến chỗ ngủ, cất gối sau khi ngủ dậy
	- MT 11: Đi vệ sinh đúng nơi quy định	-Tập gọi cô khi có nhu cầu đi vệ sinh, tập đi vệ sinh đúng nơi quy định, không nghịch bẩn khi đi vệ sinh, không ngậm tay, ngậm đồ chơi vào miệng
*Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe		
	- MT 12: Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước	+ Luyện một số thói quen trong sinh hoạt: ăn chín, uống sôi, rửa

	uống, đi vệ sinh...).	tay bằng xà phòng,lau mặt, lau miệng , uống nước sau khi ăn, vứt rác đúng nơi quy định + Tự xúc cơm, uống nước + Mặc quần áo , đi giày dép khi đi VS, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt + Chuẩn bị chỗ ngủ + Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, uống, ngủ, đi VS - Tập một số thao tác đơn giản khi rửa mặt
	- MT 13: Chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	+ Biết bảo bố mẹ, người lớn mặc trang phục cho mình phù hợp theo mùa. + Cô trò chuyện với trẻ hoặc tạo ra các tình huống trong sinh hoạt hàng ngày để trẻ chấp nhận đội mũ, quàng khăn khi trời lạnh, đội nón, mũ, che ô khi trời nắng, đi giày dép để chân luôn sạch sẽ... dần dần giúp trẻ tạo thành thói quen tốt trong sinh hoạt hàng ngày
*Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn		
	- MT 14: Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	- Trò chuyện với trẻ về những nơi nguy hiểm như bếp lò, bàn là - Trò chuyện với trẻ để trẻ nhận biết nguy cơ không an toàn khi sử dụng dao, kéo...ăn các loại quả có hạt - Trò chuyện, xem tranh ảnh bằng hình về những nơi có thể gây nguy hiểm như ao, hồ, sông, suối và giải thích cho trẻ hiểu vì

		sao phải tránh xa những vật dụng và những nơi nguy hiểm đó
	- MT 15: Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn, ...) khi được nhắc nhở.	- Trò chuyện nhắc nhở trẻ nhận biết một số hành động nguy hiểm khi chơi không leo chèo lên bàn ghế, lan can trong khi chơi
II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	*Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan	
	- MT 16: Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	+ Tìm đồ vật vừa mới cất dấu + Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của các con vật quen thuộc + Sờ nắn nhìn, ngửi, đồ vật, hoa, quả để nhận đặc điểm nổi bật + Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng-mềm, trơn, nhẵn, xù xì. + Nếm vị của một số quả (ngọt-mặn-chua), thức ăn + Trò chơi: Bắt chước âm thanh khác nhau, Cái gì trong túi, tiếng kêu của đồ dùng nào, con gì kêu, đố bạn biết con gì?
	*Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi	
	- MT 17: Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Cho trẻ chơi và bắt chước 1 số hành động đơn giản của những người thân gần gũi - Cho trẻ chơi bắt chước công việc của người lớn với các đồ vật quen thuộc(đồ dùng gia đình, dụng cụ làm việc - Cho trẻ tập sử dụng 1 số đồ

		dùng theo công dụng của nó(bát, thìa,ca, cốc, gói..) - Trò chơi: tắm cho bé, nấu cho em ăn, nghe điện thoại - Thực hành kỹ năng tự phục vụ: Đi dép, mặc, cởi quần áo, tự cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước. - <i>Cầm bát xúc cơm ăn, trộn cơm, không làm rơi vãi cơm.</i>
	- MT 18: Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	+ Cho trẻ tìm hiểu về bản thân và những người gần gũi qua tranh ảnh, video hoặc cô trò chuyện với trẻ. + Cô trò chuyện với trẻ để trẻ nhận biết được tên gọi của bản thân và những người thân trong gia đình, trường lớp và công việc của họ. + Trò chơi: Ai đây nhỉ? Gia đình của bé, Nhà con có những ai?.
	- MT 19: Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	- Tên, chức năng của bộ phận cơ thể mắt, mũi, miệng, tay, tai... + Cô trò chuyện giúp trẻ nhận biết một số bộ phận cơ thể như mắt, mũi, tay, miệng, tai... + Cho trẻ chơi với các bộ phận cơ thể trẻ nên sử dụng các lời đọc kèm theo để giúp trẻ phát triển ngôn ngữ. + Dạy trẻ đọc thơ nói về các bộ phận của cơ thể có vận động minh họa kèm theo. + kể chuyện cho trẻ nghe về các

		bộ phận của cơ thể. + Chơi với búp bê hoặc con vật: Cho búp bê ăn, tắm, rửa mặt cho búp bê... + Thực hành kỹ năng tự phục vụ: cách rửa mặt, rửa tay trước khi ăn, cách lau miệng, cách uống nước, cách đi giày dép đội mũ, nón. - <i>Trẻ giới thiệu được giới tính của bản thân.</i>
	- MT 20: Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	+ Quan sát trò chuyện tìm hiểu xem băng hình, (các loại rau, quả thật) về tên gọi đặc điểm nổi bật của một số loại cây rau, hoa quả quen thuộc một số bộ phận của cây hoa quả. + Làm sách tranh về các con vật hoa, quả, rau. + Quan sát con vật, trò chuyện và trả lời các câu hỏi về các bộ phận của con vật, những đặc điểm nổi bật, nơi sống của các con vật. + Chơi trò chowimoo phỏng các động tác cũng như tiếng kêu của một số con vật. + Trò chơi: Tìm lá cho hoa, tìm quả cho cây, hái quả...
	- MT 21: Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu.	+ Trò chuyện hướng dẫn trẻ làm quen với một số màu cơ bản: Đỏ, vàng, xanh. + Trò chơi: Ai nhanh nhất, Đi mua sắm.
	- MT 22: Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo	+ Cô cho trẻ chọn đồ vật có kích

	yêu cầu.	thước to, nhỏ theo yêu cầu. + Hướng dẫn trẻ nhận biết vị trí trong không gian (trên,dưới, trước, sau, trái, phải).
III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGŨ	*Nghe hiểu lời nói	
	- MT 23: Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay. <i>Trẻ thực hiện các yêu cầu của cô giáo, người lớn.</i>	+ Cho trẻ nghe và trải nghiệm bằng các giọng nói khác nhau, làm theo các yêu cầu, chỉ dẫn, hướng dẫn của cô trong các hoạt động sinh hoạt, vui chơi học tập trong ngày. + Nghe các câu hỏi: (cái gì, làm gì, để làm gì, ở đâu, như thế nào). + Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. - <i>Trẻ tự thực hiện được các hoạt động rửa tay, lau mặt, xúc miệng...</i>
	- MT 24: Trả lời được các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì?”, “...thế nào ?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?, ...)	+ Sử dụng các từ chỉ đồ vật , con vật, đặc điểm hành động quen thuộc khi giao tiếp. + Trả lời được các câu hỏi : “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì?”, “....thế nào ?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?”, ...) + Thể hiện, nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản, câu dài. + Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói truyện với người lớn .

	- MT 25: Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Hiểu được nội dung truyện ngắn, thơ. Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên nhân vật, hành động của các nhân vật. + Nghe bài thơ, ca dao, đồng dao, hò vè, câu đố, truyện ngắn, băng đĩa nhạc. + Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần có gợi ý.
* Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu		
	- MT 26: Phát âm rõ tiếng. <i>Trẻ biết nói được câu rõ ràng trong giao tiếp hàng ngày.</i>	+ Dạy trẻ các cách phát âm khác nhau: Thể hiện nhu cầu, cảm xúc hiểu biết của bản thân bằng lời nói, thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài. + Trò chuyện về đồ dùng đồ chơi, con vật, thực vật. - <i>Nói được câu dài, câu ghép trong giao tiếp hàng ngày.</i>
	- MT 27: Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	+ Cô dạy trẻ đọc các bài thơ, đoạn thơ ngắn có câu 3- 4 tiếng. + Cô đọc thơ, ca dao, đồng dao, hò vè, câu đố, truyện ngắn, băng đĩa nhạc. Cho trẻ nghe cô đọc diễn cảm rõ ràng kết hợp các động tác minh họa. + Lắng nghe người lớn đọc sách. + Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.
* Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp		

	- MT 28: Nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Cô dạy trẻ đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 5 - 7 tiếng. + Cô trò chuyện với trẻ về các sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc giúp trẻ nói được câu đơn giản có 5-7 tiếng, Trả lời và đặt câu hỏi Cái gì/, Làm gì?, ở đâu? Thế nào/..., để làm gì?, Tại sao?.
	- MT 29: Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: + Diễn đạt lời nói các yêu cầu đơn giản + Chào hỏi, trò chuyện. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân. + Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?, ...	+ Trẻ biết nói được các câu đơn, câu có 5-7 tiếng, và các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc + Sử dụng lời nói với mục đích khác nhau như (chào hỏi, trò chuyện, bày tỏ nhu cầu của bản thân + Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm , hành động quen thuộc trong giao tiếp
	- MT 30: Nói to, đủ nghe, lễ phép.	+ Cô đưa ra các tình huống, tranh ảnh hoặc qua video để trẻ trải nghiệm và trò chuyện với trẻ để trẻ biết điều chỉnh giọng nói của mình trong các tình huống theo sự hướng dẫn của cô.
* Làm quen với sách		
	- MT 31: Trẻ biết lắng nghe khi người lớn đọc sách. + Biết giờ sách, xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.	- Cô rèn cho trẻ kỹ năng chú ý lắng nghe cô đọc sách. - Giờ sách, xem và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.
	*Biểu lộ sự nhận thức về bản thân	

IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ	- MT 32: Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	+ Dạy trẻ nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân bằng cách cho trẻ xem tranh ảnh về trẻ hoặc soi gương + Trẻ trả lời được tên, tuổi... của bản thân mình.
	- MT 33: Thể hiện điều mình thích và không thích.	+ Cô tạo ra tình huống để trẻ tham gia vào các tình huống và quan sát để nhận ra biểu hiện những điều trẻ thích hay không thích qua cử chỉ, nét mặt của trẻ + Cô giúp trẻ nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi trẻ yêu thích.
	*Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi	
	- MT 34: Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	+ Thực hiện một số yêu cầu đơn giản của giáo viên. + Cô trò chuyện với trẻ để giúp trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ lời nói, sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người thân trong gia đình, cô giáo và các bạn trong nhóm lớp.
	- MT 35: Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	- Cô cho trẻ xem tranh ảnh, video về các khuôn mặt thể hiện các trạng thái để trẻ nhận biết được trạng thái và biểu lộ cảm xúc vui buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.
	- MT 36: Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Cô cho trẻ soi gương và tự biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ. - Cho trẻ chơi các trò chơi giả bộ, sắm vai.

	- MT 37: Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Cô dạy trẻ biết về các mối quan hệ tích cực với con người và các sự vật gần gũi xung quanh trẻ - Dạy trẻ biết chăm sóc các con vật nuôi, biết quan tâm đến các vật nuôi - Cô cho trẻ mô phỏng các động tác, tiếng kêu của các con vật quen thuộc gần gũi
*Thực hiện hành vi xã hội đơn giản		
	- MT 38: Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ă, vâng ă.	+ Dạy trẻ một số hành vi văn hóa và giao tiếp; chào tạm biệt, nói cảm ơn, nói dạ, vâng ă, chơi bên cạnh bạn không cầu bạn. + Chơi thân thiện với bạn, chơi cạnh bạn; không tranh giành đồ chơi với bạn. + Thực hiện một số quy định đơn giản trong lớp như xếp hàng, chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.
	- MT 39: Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ(trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).	- Cô gợi ý để trẻ bắt chước thực hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).
	- MT 40: Chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Dạy trẻ chơi đoàn kết với bạn bè trong lớp. - Chơi thân thiện với bạn, chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn thông qua các hoạt động, chơi hoạt động góc.....
	- MT 41: Thực hiện được một số	- Biết thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm

	yêu cầu của người lớn.	lớp: Để đồ chơi vào đúng nơi quy định, xếp hàng chờ đến lượt. - Chơi tại góc: Chơi thao tác phân vai: Trò chơi; Bế em, nấu ăn.
	*Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/ tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh	
	- MT 42: Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc.	+ Cho trẻ nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau, nghe âm thanh của các nhạc cụ. + Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.
	- MT 43: Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	+ Cho trẻ vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình, xem tranh.

2.2. Dự kiến các chủ đề thực hiện trong năm học độ tuổi nhà trẻ 24-36 tháng:

TT	Tên chủ đề	Tên chủ đề nhánh	Số tuần thực hiện	Thời gian thực hiện	Các sự kiện
1	BÉ VÀ CÁC BẠN (4 tuần)	Bé là ai - Tết trung thu vui vẻ	1	09/09-13/09	<i>Tết trung thu</i>
		Trường nhóm lớp thân yêu của bé	1	16/09-20/09	
		Các bạn của bé	1	23/09-27/09	
		Bé và các bạn cùng chơi	1	30/09-04/10	
2	ĐỒ CHƠI CỦA BÉ	Những đồ chơi quen thuộc gần gũi của bé	1	07/10-11/10	

	(4 tuần)	Những đồ chơi bé thích	1	14/10-18/10	<i>Ngày 20/10 thành lập HLHPN</i>
		Những đồ chơi có thể chuyển động được	1	21/10-25/10	
		Đồ chơi lắp ráp và xây dựng	1	23/10-27/10	
3	CÁC BÁC CÁC CÔ TRONG NHÀ TRẺ (3 tuần)	Các bác, các cô trong trường	1	30/10-03/11	
		TUẦN 2 THÁNG 11 HỘI THI ĐỒ DÙNG THIẾT BỊ DẠY HỌC			
		Công việc của các cô giáo	1	06/11-10/11	
		Cô cấp dưỡng của em - Bé yêu cô giáo	1	13/11-17/11	<i>Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11</i>
4	CÂY VÀ NHỮNG BÔNG HOA ĐẸP (4 tuần)	Em yêu cây xanh	1	20/11-24/11	
		Các loại quả bé thích	1	27/11-01/12	
		Các loại quả bé thích		04/12-08/12	
		Một số loại rau	1	11/12-15/12	
5	NHỮNG CON VẬT ĐÁNG YÊU (4 tuần)	Con gà trống, con vịt	1	18/12-22/12	<i>Ngày TL QĐNDVN 22 /12 Giáng sinh 25/12</i>
		Chú mèo xinh xắn	1	25/12-29/12	<i>Tết dương</i>

					<i>lịch 01/01</i>
		Một số con vật sống trong rừng	1	01/01-05/01	
		Động vật sống dưới nước	1	8/01-12/01	
6	NGÀY TẾT VÀ MÙA XUÂN (3 tuần)	Ngày tết của bé	1	15/01-19/01	
		Các loại hoa, quả, bánh trong ngày tết	1	22/01-26/01	
		Mùa xuân của bé	1	29/01-02/02	
7	MẸ VÀ NHỮNG NGƯỜI THÂN YÊU CỦA BÉ (4 tuần)	Mẹ thân yêu của bé Những người thân yêu của bé	1	19/02-23/02	
		06/02 ĐẾN 14/02 NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN 05/02-15,16/02 (Tham gia tết trồng cây).			
		Những người thân yêu của bé	1	26/02-01/3	
		Đồ dùng trong gia đình bé - Ngày hội của mẹ (Ngày 8/3)	1	04/3-8/3	
		Đồ chơi về gia đình	1	11/3-15/3	<i>Ngày quốc tế phụ nữ 08/03</i>
8	BÉ ĐI ĐẾN KHẮP NƠI	Tín hiệu đèn	1	18/3 - 22/3	
		Bé thích đi bằng phương tiện giao thông đường bộ	1	25/3 - 29/3	

	BẢNG PHƯƠNG TIỆN GÌ?	Bé thích đi bằng phương tiện giao thông đường bộ	1	01/4-05/4	Tết hàn thực 03/03
	(4 tuần)	Bé thích đi bằng phương tiện giao thông đường hang không	1	8/4-12/4	Giỗ tổ Hùng Vương 10/03
9	MÙA HÈ VỚI BÉ (3 tuần)	Thời tiết mùa hè	1	15/4-19/4	
		Quần áo trang phục mùa hè	1	22/4-26/4	
		Bé được làm gì trong mùa hè	1	29/4-02/5	Ngày GPMN 30/04 và QTLĐ 1/5
10	BÉ LÊN MẪU GIÁO (2 tuần)	Bé làm gì khi lên mẫu giáo	1	06/5-10/5	
		Lớp mẫu giáo thân yêu của bé	1	13/5-17/5	
20/5 - 24/5 ĐÁNH GIÁ TRẺ CUỐI NĂM HỌC 22/5 - 26/5 LUYỆN TẬP VĂN NGHỆ CHÀO MỪNG NGÀY QUỐC TẾ THIẾU NHI 01/6 - TỔNG KẾT NĂM HỌC 2023-2024					

3. Độ tuổi trẻ 3-4 tuổi:

3.1. Mục tiêu, nội dung giáo dục độ tuổi 3-4 tuổi:

MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC	NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC
I. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
1. Phát triển vận động - MT1: Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.	

- Cân nặng của trẻ: Trai: 12,7-21,2kg; gái: 12,3-21,5kg. - Chiều cao của trẻ: Trai: 94,9-111,7cm; gái: 94,1-111,3cm	
1.1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	
MT2: Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	- Trẻ biết tập thành thạo các động tác Tay; Chân; Bụng; Bật
1.2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động	
MT3: Trẻ có kỹ năng khi thực hiện vận động cơ bản: - Biết giữ được thăng bằng khi thực hiện vận động. <i>Trẻ có kỹ năng khi thực hiện vận động cơ bản một cách tự chủ, tự tin.</i> - Biết kiểm soát được vận động. - Biết phối hợp tay mắt trong thực hiện vận động <i>Trẻ có kỹ năng thực hiện vận động cơ bản tự tin.</i>	- Đi kiễng gót liên tục 3m - Đi theo đường zig zắc, đường hẹp - Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát - Đi trên ghế thể dục - Đi bước dồn trước - Đi, chạy theo đường thẳng - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi, chạy thay đổi hướng theo đường đích đặt - Lăn, đập, tung bắt bóng với cô. + Ném xa bằng 1 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m) + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc. + Chuyển bắt bóng qua đầu, qua chân
MT4: Trẻ biết thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy được 15m liên tục theo hướng	- Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng. - Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch

thẳng - Ném trúng đích ngang (xa 1,5m) - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4 m) không chệch ra ngoài.	- Bò trườn theo hướng thẳng - Bò trườn chui dưới dây, qua cổng. - Bò chui qua cổng. - Bò theo đường zíc zắc - Bò, trườn theo hướng thẳng, đích dốc.
1.3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt	
MT5: Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: - Xoay tròn cổ tay - Gập, đan ngón tay vào nhau. - Vẽ được hình tròn theo mẫu - Cắt thẳng được một đoạn 10cm. - Xếp chồng 8 – 10 khối không đổ <i>Trẻ biết linh hoạt, chủ động phối hợp linh hoạt được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động</i> - Tự cài, cởi cúc.	- Tập các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ: Kéo, bút, phấn... + Gập đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Tô, vẽ hình <i>Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vè, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi ...</i> - Cài, cởi cúc áo.
2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.	
2.1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.	
MT6: Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (Thịt, cá, trứng, sữa, rau...)	- Nhận biết tên một số TP quen thuộc. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi, - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
<i>Trẻ nói đúng tên thực phẩm trên tháp dinh dưỡng.</i>	<i>- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng).</i>

MT7: Trẻ biết tên một số món ăn hằng ngày: Trứng rán, cá kho, canh... Biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản, tên gọi của một số thực phẩm, món ăn. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất giúp cho cơ thể lớn lên, khoẻ mạnh.
2.2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	
MT8: Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Tự rửa tay, lau mặt, xúc miệng - Tự tháo tất, cởi quần áo. - Biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách	- Làm quen với cách rửa mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng, (rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh, khi tay bị bẩn...) để phòng tránh các dịch bệnh: Đường ruột, bệnh tay chân miệng...) - Cởi quần áo, tất. - Cầm bát xúc cơm ăn, trộn cơm, không làm rơi vãi cơm.
2.3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khoẻ	
MT9: Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống, vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Mời cô mời bạn khi ăn, ăn từ tốn.... - Uống nước đã đun sôi. - Chấp nhận vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giầy khi đi học. <i>Trẻ phát triển và củng cố sự tự lập qua chăm sóc bản thân: Chuẩn bị thức ăn cùng giáo viên trong các bữa ăn tại lớp và thực hành tại góc gia đình; của hàng ăn uống...</i> <i>Thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, vệ sinh cá nhân, mặc, cởi quần áo, giữ gìn sức khoẻ, đảm bảo an toàn.</i>	- Biết ăn chín uống sôi. - Ăn khi được cho phép. Tập đánh răng rửa mặt.... + Nhận biết trang phục theo thời tiết + Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - <i>Có thói quen trong ăn uống như: Mời cô mời bạn khi ăn, ăn từ tốn, nhai kỹ, chào mời trước khi ăn, trong khi ăn không nói chuyện, ăn xong biết xin cơm, biết nhặt cơm rơi vãi bỏ vào đĩa.</i> - Lựa chọn trang phục phù hợp thời tiết

2.4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh

MT10: Trẻ nhận ra và tránh một số nơi, vật dụng, hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng (Bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...). - Nhận biết và tránh những nơi nguy hiểm, những nơi không an toàn (Hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...). - Có ý thức tránh một số hành động nguy hiểm: Không nghịch dao, kéo,... - Không tự ý bỏ ra khỏi lớp.
MT11: Trẻ biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	- Nhờ người lớn giúp đỡ khi bị thương, bị đau.

II. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

1. Khám phá khoa học

1.1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng

MT12: Trẻ biết quan tâm hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Hay đặt câu hỏi: Ai đây? Cái gì đây ? Có thể có những hứng thú riêng (thích ô tô/, thích búp bê,...)
MT13: Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: Nhìn, nghe, ngửi, sờ...để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng. <i>Trẻ biết khám phá, trải nghiệm các giác quan và phát triển cảm quan</i>	- Nhận biết đặc điểm của đồ vật thông qua các giác quan: Nghe, nhìn, sờ ngửi. - Chức năng các giác quan và các bộ phận cơ thể. - Tri giác sự vật hiện tượng nhanh nhạy
MT14: Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng.	- Quan sát nhận xét đối tượng khi khám phá tìm hiểu. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay vật nổi. Từ đó nhận

	xét: + Ích lợi của nước đối với đời sống con người và cây cối. + Các nguồn nước trong môi trường sinh sống.
MT15: Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như: xem sách, trò chuyện về đối tượng.	- Xem sách, truyện, các phương tiện truyền thông: Ti vi, mạng... dưới sự hướng dẫn của cô giáo, người lớn.
MT16: Trẻ biết phân loại đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi, sự vật hiện tượng theo dấu hiệu.
1.2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản	
MT17: Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với MT sống của chúng. - Cách chăm sóc, bảo vệ cây, con vật gần gũi.
MT18: Trẻ có khả năng mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát dưới sự gợi mở của cô giáo.	- Đồ dùng, đồ chơi: + Đặc điểm nổi bật, công dụng cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Phương tiện giao thông: + Tên, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa quả quen thuộc. - Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu.
MT19: Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình.	- Tham gia vào các trò chơi, nêu nhận xét về cá đối tượng, sự vật hiện tượng.
2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	

2.1. Nhận biết số đếm, số lượng.	
MT20: Trẻ biết quan tâm đến số lượng và đếm trên các đối tượng giống nhau trong phạm vi 5 như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 - Đếm theo khả năng. - Nhận biết một và nhiều.
MT21: Trẻ biết so sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. - Nhận biết nhiều hơn, ít hơn.
MT22: Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.
MT23: Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.
2.2. Sắp xếp theo quy tắc	
MT24. Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (Mẫu) và sao chép lại. <i>Trẻ thực hành trải nghiệm các qui tắc sắp xếp đơn giản.</i>	- Xếp tương ứng 1 – 1. - Xếp xen kẽ. - Ghép đôi, ghép thành cặp những đối tượng có mối liên hệ - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc (3 đối tượng)
2.3. So sánh hai đối tượng	
MT25: Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: To hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn, bằng nhau.	- Nhận biết to hơn, nhỏ hơn. - Nhận biết dài hơn, ngắn hơn. - Nhận biết cao hơn, thấp hơn.
2.4. Nhận biết hình dạng	
MT26: Trẻ nhận dạng và gọi tên các	- NB, gọi tên các hình: Hình vuông,

hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật. <i>Trẻ thực hành so sánh, chấp ghép các hình học.</i>	hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - So sánh sự giống và khác nhau của các hình: Hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật, hình tròn - Chấp ghép các hình học để tạo thành các hình theo ý thích hoặc theo yêu cầu
2.5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian	
MT27: Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân. <i>Trẻ biết xác định vị trí bản thân so với bạn khác.</i>	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (Phía trước – phía sau; Phía trên – phía dưới; Phía phải – phía trái)
3. Khám phá xã hội	
3.1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng	
MT28: Trẻ nói được tên tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài của bản thân.
MT29: Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình, nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình. <i>Trẻ biết kể về công việc của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.</i>	- Tên của bố mẹ và người thân trong gia đình, địa chỉ gia đình, thôn xóm. - Công việc của bố mẹ, người thân trong gia đình.
MT30: Trẻ nói được tên trường, lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. Trẻ nói được tên cô giáo/ trường lớp. <i>Trẻ nói được địa chỉ của trường, lớp.</i>	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. Tên các cô, các bạn trong lớp/ trường mầm non xã Nghĩa Lâm. <i>Địa chỉ của trường, lớp.(Khu A;A1: xóm Khang Ninh xã Nghĩa Lâm; khu B: xóm Cường Thịnh xã Nghĩa Lâm)...</i>
3.2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương	

MT31: Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng...khi được hỏi, xem tranh. <i>Trẻ biết 1 số nghề truyền thống địa phương xã Nghĩa Lâm.</i>	- Tên gọi, sản phẩm, các hoạt động của nghề nông, nghề xây dựng... <i>Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của các nghề: Nghề làm miến dong, miến gạo; nghề đan cói của xã Nghĩa Lâm.</i>
--	---

3.3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh

MT32: Trẻ kể được một số lễ hội, danh lam thắng cảnh ở quê hương Nghĩa Lâm, trường MN xã Nghĩa Lâm.	- Tên nước, thủ đô, cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh . <i>- Tìm hiểu, trải nghiệm 1 số di tích lịch sử tại xã Nghĩa Lâm như (Đền Trần; Phủ mẫu; Đền cụ Hoàng Giáp Tam Đăng Phạm Văn Nghị...).</i> - Đặc điểm nổi bật của một số di tích của địa phương: Chùa, đền... - Ngày lễ hội của địa phương: Lễ hội truyền thống hàng năm kỉ niệm đền cụ Hoàng Giáp Tam Đăng Phạm Văn Nghị). - Ngày lễ hội của trường MN xã Nghĩa Lâm (Ngày khai giảng; Tết Trung Thu; Hội Xuân; Tết Hàn Thực; Hội thi cắm hoa nghệ thuật của cô và trẻ; Ngày hội của cô và mẹ(08/03)...
---	--

III. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

1. Nghe hiểu lời nói

MT33: Trẻ thực hiện được yêu đơn giản, biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Hiểu và làm được theo yêu cầu đơn giản. VD: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”... - Nghe hiểu những điều người lớn, bạn... nói, nói đủ nghe, không lí nhí.
MT34: Trẻ hiểu được nghĩa từ khái quát gần gũi xung quanh.	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc, như: áo, đồ chơi, hoa

	quả...
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày	
MT35: Trẻ nói rõ các tiếng, nói đủ nghe, không lí nhí.	- Phát âm các tiếng của tiếng việt. - Nói rõ ràng, rành mạch phù hợp với yêu cầu hoàn cảnh giao tiếp - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng. - Tiếp xúc và làm quen với chữ cái, sách truyện.
MT36: Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
MT37: Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Nói được câu đơn câu ghép trong giao tiếp hàng ngày. - Trả lời và đặt câu hỏi.
MT38: Trẻ có khả năng kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân.	- Kể lại sự việc đơn giản; như: Thăm ông bà, đi chơi, xem phim...
MT39: Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc một số bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ....phù hợp độ tuổi.
MT40: Trẻ biết kể lại chuyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại truyện đã được nghe có sự giúp đỡ. Ví dụ : « Xe lu và xe ca»... - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.
MT41: Trẻ biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.
MT42: Trẻ biết sử dụng các từ: “Vâng ạ”; “Dạ”; “Thưa” trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép: Con yêu cô lắm ạ, - Sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa,...

<i>Trẻ biết sử dụng ngôn ngữ một cách sáng tạo qua nhiều phương thức giao tiếp.</i>	trong giao tiếp. - <i>Sử dụng các câu đơn trong giao tiếp: Cô xinh như một bông hoa...</i>
3. Làm quen với đọc – viết	
MT43: Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh. <i>Trẻ biết chủ động chọn sách để xem; làm quen với các chữ cái cơ bản.</i>	- Tiếp xúc với chữ, sách chuyện. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - <i>Tập tô các chữ cái rỗng</i> - <i>Trẻ tự chọn sách để xem.</i>
MT44: Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Xem tranh và gọi tên các nhân vật.
MT45: Trẻ thích vẽ, viết nguệch ngoạc.	- Làm quen với cách sử dụng bút, viết nguệch ngoạc.
IV. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	
1. Thể hiện ý thức về bản thân	
MT46: Trẻ nói được điều bé thích, không thích. <i>Trẻ tự tin làm theo điều mình thích; từ chối điều mình không thích.</i>	- Biết nói những điều bé thích, không thích để mọi người biết. - <i>Thích làm theo những suy nghĩ, những điều mình thích...</i>
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực	
MT47: Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Tự tin tham gia vào các hoạt động tập thể. - Trả lời câu hỏi rõ ràng.
MT48: Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi).	- Hoàn thành công việc được giao: Chia đồ dùng cho bạn; cất và xếp đồ chơi đúng nơi quy định.
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật hiện tượng xung quanh	
MT49: Trẻ nhận ra cảm xúc vui, buồn,	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc

sợ hãi, tức giận, qua nét mặt, giọng nói, qua tranh, ảnh. Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	(vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh. - Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
MT50: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lắng Bác Hồ; nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ. - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua bài hát.
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	
MT51: Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất xếp đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ. <i>Trẻ có kĩ năng thực hiện một số kĩ năng sống.</i>	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để ĐĐĐC đúng chỗ;...) - Chủ động thực hiện một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để ĐĐĐC đúng chỗ; bỏ rác đúng nơi quy định...).
MT52: Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (Chào hỏi, cảm ơn). Biết xin lỗi nhận lỗi, sửa sai.
MT53: Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.
MT54: Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hòa thuận, đoàn kết, giúp đỡ bạn cùng hoạt động, chơi
5. Quan tâm đến môi trường	
MT55: Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây... <i>Trẻ biết chăm sóc môi trường.</i>	- Ngắm nhìn cảnh vật xung quanh. - Bảo vệ, chăm sóc cây cối: tưới cây....
MT56: Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường.

V. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ

1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.

MT57: Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.

- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.

MT58: Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc, thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện.

- Nghe các bài hát, bản nhạc, bài thơ, ca dao... (nhạc thiếu nhi, dân ca).

MT59: Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng,...) của các tác phẩm tạo hình.

- Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ, và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình "về màu sắc, hình dáng..." của các tác phẩm tạo hình.

2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình

MT60: Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc. Biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (Vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa)

- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.
- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.
- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.

Trẻ biết lựa chọn vận động theo ý thích của cá nhân trẻ.

- Lựa chọn, vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.

MT61: Trẻ biết sử dụng một số kỹ năng trong hoạt động tạo hình để tạo ra sản phẩm đơn giản:

- Trẻ biết vẽ các nét thẳng, nét xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.
- Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.

- Sử dụng các kỹ năng vẽ, tô màu tạo ra sản phẩm có màu sắc, đường nét.
- Các kỹ năng xé dải, xé vụn để tạo ra sản phẩm.
- Dùng ngón tay miết mịn, ấn lõm,

- Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có một khối hoặc hai khối. <i>Trẻ biết chia sẻ quá trình trải nghiệm tạo ra sản phẩm của cá nhân.</i>	xoay tròn...để tạo ra sản phẩm nặn. - Phối hợp một số kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản. - <i>Chia sẻ quá trình thực hiện sản phẩm đã sử dụng những kĩ năng: vẽ, nặn (lăn tròn, ấn..) xé, cắt.....</i>
MT62: Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo gợi ý. <i>Trẻ biết sử dụng đa dạng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo theo ý thích.</i>	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm. <i>Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, nguyên vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.</i>
MT63: Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Xếp chồng, xếp cạnh tạo thành sản phẩm đơn giản.
MT64: Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng...
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật	
MT 65: Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.
MT66: Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích và đặt tên cho sản phẩm	- Lựa chọn nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm đơn giản theo ý thích. - <i>Chia sẻ ý tưởng tạo hình của mình.</i> - Đặt tên cho sản phẩm của mình một cách phù hợp.

3.2. Dự kiến các chủ đề thực hiện trong năm học độ tuổi 3-4 tuổi

TT	Tên chủ đề	Tên chủ đề nhánh	Tuần	Thời gian thực hiện	Các sự kiện
1	LỚP MẪU GIÁO CỦA	Cô giáo và các bạn	1	09/09 - 13/09	Tốt trung thu

	BÉ	Đồ chơi ở lớp và các hoạt động trong trường, lớp bé thích	1	16/09 - 20/09	
		Ngày tết trung thu	1	23/09-27/09	
2	DINH DƯỠNG, SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN	Năm giác quan	1	25/9-29/9	
		Ẩm thực (món ăn) Việt Nam	1	02/10-06/10	
		Đồ dùng để ăn uống	1	9/10-13/10	
		Đảm bảo an toàn cho bé	1	16/10-20/10	<i>Ngày thành lập HLHPN 20/10</i>
3	GIA ĐÌNH CỦA BÉ	Bố mẹ và những người thân yêu	1	23/10-27/10	
		Sở thích, thói quen của những người thân yêu	1	30/10-03/11	
		Tuần 2 tháng 11: Hội thi làm đồ dùng, thiết bị dạy học			
		Đồ dùng trong gia đình thân yêu	1	06/11-10/11	
4	NHỮNG NGHỀ BÉ BIẾT (4 tuần)	Bé yêu cô giáo(20/11)	1	13/11-17/11	<i>Ngày nhà giáo VN 20/11</i>
		Bác nông dân	1	20/11-24/11	
		Cô y tá, bác sỹ	1	27/11-01/12	
		Chú cảnh sát, công an, bộ đội	1	04/12-08/12	

		Con vật thân quen trong nhà	1	11/12-15/12	
5	NHỮNG CON VẬT GẦN GŨI (4 tuần)	Những con vật trong rừng	1	18/12-22/12	<i>Ngày TL QĐND VN 22/12</i>
		Côn trùng và chim	2	25/12-29/12	<i>Giáng sinh 25/12</i>
		Những con vật sống dưới nước	1	01/01-05/01	<i>Tết DL 01/01</i>
6	THỰC VẬT XUNG QUANH BÉ (4 tuần)	Cây xanh	1	08/01-12/01	
		Ngày Tết quê em	1	15/01-19/01	
		Mùa xuân và ngày tết trồng cây	1	22/01-26/01	
		Các loại hoa, quả	1	29/01-02/02	
		06/02 ĐẾN 14/02 NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN 05/02-15,16/02 (Tham gia tết trồng cây).			
7	BÉ ĐI ĐƯỜNG AN TOÀN	XXe đạp, xe máy, ô tô, tàu hỏa	1	19/02-23/02	
		Tàu, thuyền, ca nô	1	26/02-01/03	
		PTGT đường hàng không	1	04/03-08/03	<i>Ngày QTPN 08/03</i>
		Luật giao thông		11/03-15/03	
		Thời tiết (nắng, mưa, gió, bão, nóng, lạnh...)	1	18/03-22/03	
8	NƯỚC VÀ	Ngày và đêm	1	25/03-29/03	

	MỘT SỐ HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN (3 tuần)	Vòng tuần hoàn của nước	1	01/04-05/04	Tết Hàn thực 03/03
9	QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC BÁC HỒ (4 tuần)	Đất nước Việt Nam tươi đẹp - Thủ đô Hà Nội	1	08/04-12/04	Giỗ tổ Hùng Vương 10/03
		Quê hương yêu quý	1	15/04-19/04	
		Bác Hồ với các cháu thiếu nhi	1	22/04-26/04	
		Cảnh đẹp, di tích lịch sử quê em	1	29/04-03/05	Ngày GPMN 30/4 và QTLĐ 1/5
10	NGÀY TẾT THIẾU NHI (2 tuần)	Bé chuẩn bị nghỉ hè - Tạm biệt lớp học và cô giáo	1	06/05-10/05	
		Lễ hội 01/06 (lễ hội chuyển lớp)	1	13/05-16/05	
19/5 - 23/5: ĐÁNH GIÁ TRẺ CUỐI NĂM HỌC					
26/5-30/5: LUYỆN TẬP VĂN NGHỆ CHÀO MỪNG NGÀY QUỐC TẾ THIẾU NHI 01/6 - TỔNG KẾT NĂM HỌC 2024-2025					

4. Độ tuổi trẻ 4-5 tuổi:

4.1. Mục tiêu, nội dung giáo dục:

MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC	NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC
---------------------------	---------------------------

I. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
1. Phát triển vận động MT1: Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi + Cân nặng: Trẻ trai: 14,1-24,2kg; Trẻ gái: 13,7-24,9kg. + Chiều cao: Trẻ trai: 100,7-119,2cm; Trẻ gái: 99,9-118,9cm.	
1.1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	
MT2: Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	- Trẻ biết tập thành thạo các động tác Tay; Chân; Bụng; Bật
1.2. Thể hiện kĩ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động	
MT3: Trẻ có một số tổ chất vận động nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo, bền bỉ. - Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Trẻ biết đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m <i>Trẻ tự tin thực hiện vận động một cách khéo léo.</i>	+ Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ sàn. + Đi bằng gót chân, đi khuyu gối đi lùi; đi theo đường hẹp; Đi trên đường ngoằn ngoèo + Đi bước dồn trước. + Đi ngang bước dồn. + <i>Đi bằng mép ngoài bàn chân</i>
MT4: Trẻ thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. - Kiểm soát được vận động khi thay đổi hướng chạy theo vật chuẩn - Đi/ chạy thay đổi theo hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 -5 vật chuẩn đặt đích đặc	- Kiểm soát được vận động khi thay đổi hướng chạy theo vật chuẩn - Đi/ chạy thay đổi theo hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 -5 vật chuẩn đặt đích đặc + Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích đặc... + Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong khoảng 10 giây + Chạy chậm 60 – 80m + Bật – nhảy
MT5: Trẻ có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp	- Trèo lên xuống thang

nhàng, biết định hướng trong không gian - Trẻ biết tung bắt bóng với người đối diện(cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Trẻ biết tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp. - Ném trúng đích - Bò trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chồm ra ngoài. - <i>Trẻ có kỹ năng phối hợp các giác quan và thực hiện vận động.</i>	- Tung bắt bóng với người đối diện. + Tung bóng lên cao và bắt bóng. + Chuyển bóng - Đập và bắt bóng tại chỗ - Ném trúng đích bằng 1 tay. - Ném trúng đích ngang (xa 2m) - Bò trong đường dích dắc qua 5 điểm - Bò chui qua cổng; bò qua ống dài 1,2m x0,6m - Bò bằng bàn tay cẳng chân - Trườn - Bò trong đường hẹp có mang vật trên lưng
1.3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay, mắt	
MT6: Trẻ có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Cuộn - xoay tròn cổ tay. - Gập, mở, các ngón tay. - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày. - <i>Trẻ thực hành trải nghiệm phối hợp sự khéo léo bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt</i>	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vẽ, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi ... - Tô vẽ hình - Xé, cắt đường thẳng - Đan tết - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây - <i>Lắp ghép hình: Lắp ghép các mảnh bìa tạo thành ngôi nhà, đồ chơi</i>

<i>động</i>	
2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
2.1. Biết một số món ăn thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.	
MT7: Trẻ biết tên một số món ăn và ích lợi của ăn uống đủ chất - Trẻ nhận biết một số thực phẩm cùng nhóm: + Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. + Rau, quả chín có nhiều vitamin - Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo... - Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
2.2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	
MT8: Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Cầm bát xúc cơm ăn. Không làm rơi vãi cơm.
MT9: Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt khi được nhắc nhở: Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	- Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Biết tự thay, mặc quần áo.
2.3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	
MT10: Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ.	- Có thói quen trong ăn uống như: Mời cô mời bạn khi ăn, ăn từ tốn, nhai kỹ, chào mời trước khi ăn, trong khi ăn không nói chuyện, ăn xong biết xin cơm, biết nhặt

- Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không ăn thức ăn có mùi ôi thiu, không uống nước lã.	com rơi vãi bỏ vào đĩa - Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng (ăn đủ các nhóm thực phẩm) - Biết ăn chín uống sôi.
MT11: Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giầy khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Trẻ biết bỏ rác đúng nơi qui định... - <i>Trẻ phát triển và củng cố sự tự lập qua chăm sóc bản thân: Chuẩn bị thức ăn cùng giáo viên trong các bữa ăn tại lớp và thực hành hành tại góc gia đình; cửa hàng ăn uống.</i> - <i>Thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, vệ sinh cá nhân, mặc, cởi quần áo, giữ gìn sức khỏe, đảm bảo an toàn</i>	- Tập một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. Tập đánh răng rửa mặt.... + Biết lợi ích của việc giữ gìn về sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. + Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. + Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - <i>Kỹ năng giúp cô trong chuẩn bị bữa ăn; kỹ năng chơi trong góc phân vai.</i> - <i>Kỹ năng tự phục vụ, đảm bảo an toàn cho bản thân phòng tránh nguy hiểm.</i>
2.4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh	
MT12: Biết tránh một số vật dụng gây nguy hiểm, nơi không an toàn - Trẻ nhận ra những nơi như: hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng như: các vận dụng sinh hoạt hàng ngày; - Tránh những nơi có ao hồ sông suối; + Trò chuyện, thảo luận về một số hành động có thể gây nguy hiểm khi vào nơi lao động sản xuất. Không đến gần những

- Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... + Không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn + Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	nơi làm việc của các cô chú công nhân, những dụng cụ sắc nhọn. - Giáo dục trẻ không cười đùa khi đang ăn, uống, khi ăn những loại quả có hạt.... - Giáo dục trẻ không uống cà phê, rượu bia - Không tự ý uống thuốc. Khi uống thuốc cần có người lớn hướng dẫn - Không tự ý bỏ ra khỏi lớp, không đi theo người lạ
MT13: Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Trẻ nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại của bố, mẹ...
II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
1. Khám phá khoa học	
1.1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng	
MT14: Trẻ biết tìm hiểu nguyên nhân xảy ra của các sự vật, hiện tượng đơn giản xung quanh, biết đặt câu hỏi: tại sao (cây lại héo, lá bị ướm).	Quan tâm đến những thay đổi của sự vật hiện tượng xung quanh với sự gợi ý hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi của cô giáo như những thay đổi của sự vật, hiện tượng: “Vì sao cây lại héo?”; “Vì sao lá cây bị ướm?”... - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Các mùa trong năm (Xuân, Hạ, Thu, Đông).

	- Sự khác nhau giữa ngày và đêm - Một số hiện tượng tự nhiên(bão, lũ, sấm chớp, mưa...). - Quan sát tranh, ảnh, băng hình và cùng tìm hiểu về các đối tượng. - VTV7 Kids: Lớp học cầu vồng- Thế giới diệu kỳ của Bool Bool.
MT15: Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng. - Trẻ nhận biết, nhận xét đặc điểm sự vật hiện tượng.	Tổ chức các hoạt động giáo dục tăng cường trải nghiệm các giác quan để giúp trẻ nhận biết: - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông. - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây cối. - Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của cây, con vật.
MT16: Trẻ thực hiện và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh. - Nhận biết phân biệt màu sắc: Sự đổi màu của nước: Ví dụ: pha chế màu, làm các thí nghiệm...	- Các nguồn nước trong môi trường sống. - Lợi ích của nó đối với nước với đời sống con người, con vật, cây cối. - Một số đặc điểm tính chất của nước - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây cối. - Một vài đặc điểm,tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - Thử nghiệm gieo hạt. - Sự kỳ diệu của màu sắc. - Thí nghiệm Vật nổi, vật chìm.

	- Thí nghiệm thổi bong bóng. - Thí nghiệm với không khí, gió, nắng. - Pha màu/ đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.
MT17: Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo và cách sử dụng. + Đặc điểm, công dụng của một số đồ dùng trong gia đình, một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu. + Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. + Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.
MT18: Trẻ biết quan sát, so sánh, phân loại các đối tượng theo 1 - 2 dấu hiệu cho trước.	- Trẻ phân biệt các khu vực trong nhà trường và công việc của các cô bác trong khu vực đó. + Trẻ biết tên và một vài đặc điểm nổi bật của các bạn trong lớp. + Biết so sánh một số đặc điểm, sự giống và khác nhau của đồ dùng đồ chơi quen thuộc trong lớp; đồ dùng trong gia đình. + Trẻ so sánh được sự bằng nhau và khác nhau của hai nhóm đối tượng. + Trẻ biết tự đếm số cửa sổ của lớp học, nhận biết phân biệt đồ dùng đồ chơi theo màu sắc kích thước ... phân biệt một và nhiều. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu.

	- Sự khác nhau giữa ngày và đêm...
1.2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản	
MT19: Trẻ nhận ra một số đặc điểm nổi bật và mối quan hệ đơn giản giữa các sự vật, hiện tượng quen thuộc gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”.	- Quan sát phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây cối...đường và muối... - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Trẻ làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.
MT20: Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.	Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn. Em bé đói thì phải cho ăn.... - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.
1.3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau	
MT21: Trẻ có khả năng nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. Cho trẻ thực hành so sánh sự giống nhau và khác nhau của 2 loại cây, hoa, quả,...; Phân loại cây,

	hoa, quả.
MT22: Trẻ có một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.	- Qua: Vẽ, xé, dán, nặn... trẻ khám phá về cây cối và con vật...
2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán.	
2.1. Nhận biết số đếm, số lượng.	
MT23: Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...	- Thích thú khám phá về các con số; Đếm trên đối tượng và đếm theo khả năng cá nhân trẻ.
- Trẻ đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	
MT24: Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Đếm 2 nhóm đối tượng và so sánh nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau.
MT25: Trẻ biết tách, gộp một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- Tách, gộp 2 nhóm đối tượng và đếm trong phạm vi 5.
MT26: Trẻ biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Nhận biết chữ số, số lượng và thứ tự trong phạm vi 5.
MT27: Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày...(số nhà, biển số xe, số điện thoại)
2.2. Sắp xếp theo quy tắc	
MT28: Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	- So sánh phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.
- Trẻ tạo ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	- Tạo ra sự sắp xếp theo quy tắc
2.3. So sánh hai đối tượng	
MT29: Trẻ biết sử dụng được các từ	- So sánh độ lớn, chiều dài, chiều rộng,

so sánh: bằng nhau, to hơn-nhỏ hơn, dài hơn-ngắn hơn, rộng hơn-hẹp hơn, cao hơn - thấp hơn. - Trẻ biết sử dụng dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nối kết quả đo và so sánh.	chiều cao của đối tượng + Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. + Đo dung tích bằng một đơn vị đo.
2.4. Nhận biết hình dạng	
MT30: Trẻ nhận ra sự giống nhau, khác nhau giữa hình tròn tam giác, vuông và chữ nhật, qua các dấu hiệu nổi bật.... - Nhận biết và gọi tên 4 màu. - Trẻ nhận biết các khối khối cầu, khối trụ, khối vuông, khối chữ nhật.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: Hình vuông hình tam giác, hình tròn hình chữ nhật. - Nhận biết gọi tên khối cầu, khối trụ, khối vuông, khối chữ nhật và nhận dạng các khối đó trong thực tế.
MT31: Trẻ sử dụng được các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Sử dụng các nguyên vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản như vẽ, nặn... + Chắp ghép các mảnh hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
2.5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian	
MT32: Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (Phía trước – phía sau; Phía trên – phía dưới; Phía phải – phía trái).
MT33: Trẻ nhận biết và mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày. - Trẻ biết định hướng không gian và thời gian.	- Nhận biết các buổi sáng, trưa, chiều, tối. - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Gọi tên các thứ trong tuần.
3. Khám phá xã hội	
3.1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng	
MT34: Trẻ nói được họ và tên, tuổi,	- Họ tên, tuổi, giới tính đặc điểm bên

giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	ngoài sở thích của bản thân.
MT35: Trẻ nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. - Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên công việc của bố mẹ và người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. - Địa chỉ gia đình, thôn, xóm, xã....
MT36: Trẻ nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện. - Trẻ nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác nhân viên trong trường. - Trẻ biết được tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp. - <i>Trẻ biết được đặc điểm, sở thích của các bạn trong lớp, trường.</i>	- Tên, địa chỉ của trường lớp; khu trẻ đang học. - Tên và công việc của cô giáo, các cô bác trong trường/khu/lớp. - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp; các hoạt động của trẻ, các bạn ở trường. - <i>Đặc điểm sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ trong trường.</i>
3.2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương	
MT37: Trẻ kể được tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện. Trẻ biết được một số nghề truyền thống của quê hương xã Nghĩa Lâm.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. - Nghề làm miến dong, miến gạo, nghề đan cói của địa phương.
3.3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh	
MT38: Trẻ kể được tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội. - Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương. - Trẻ biết được di tích lịch sử của xã Nghĩa	- Đặc điểm nổi bật của ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước. - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, của địa phương xã Nghĩa Lâm: Chùa(chùa Văn Lâm; chùa Phúc Lâm); Đền Đức Thánh Trần, Đền Mẫu, Nghĩa trang.... - Di tích lịch sử cụ Hoàng giáp Tam Đăng

Lâm.	Phạm Văn Nghị.
III. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
1. Nghe hiểu lời nói	
MT39: Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.	- Nghe, hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu trong cuộc sống hàng ngày.
MT40: Trẻ hiểu được nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	- Nghe, hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng: đồ dùng/thực vật/ đồ vật. - Nghe, hiểu nghĩa của từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...
MT41: Trẻ chú ý lắng nghe và hiểu lời nói của người khác khi nói chuyện	Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại. Lắng nghe kể chuyện và đặt câu hỏi theo nội dung chuyện - Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp...
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày	
MT42: Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được. - Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm, ... - <i>Trẻ biết sử dụng ngôn ngữ một cách sáng tạo qua nhiều phương thức giao tiếp.</i> - <i>Trẻ có thể nghe, hiểu một số từ tiếng anh cơ bản trong giao tiếp, từ chỉ đồ vật, con vật</i>	- Phát âm có chứa các âm khó - Trả lời và đặt câu hỏi “Ai?” “Cái gì?” “Ở đâu?” “Khi nào?” - Nghe, sử dụng các từ chỉ đặc điểm chỉ tính chất, công dụng, hoạt động... - <i>Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: “tại sao”; “Có gì giống nhau”; “Có gì khác nhau”.</i> - <i>Trẻ nói được một số từ cơ bản: Xin chào, tạm biệt...; tên các con vật: Chó, mèo...</i>
MT43: Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	Nghe, hiểu nội dung câu đơn câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định trong giao tiếp hàng ngày. - <i>Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau</i>

	- Trả lời và đặt câu hỏi...
MT44: Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự thời gian. - Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết theo trình tự, logic... - Kể lại chuyện đã được nghe bằng nhiều hình thức...
MT45: Trẻ đọc thơ, ca dao, đồng dao, kể lại truyện diễn cảm.	- Đọc diễn cảm 1 số bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ... phù hợp độ tuổi
MT46: Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Nghe, sử dụng các từ biểu cảm, bắt chước sáng tạo... - Đóng kịch...
MT47: Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp. - Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép - Nói thể hiện cử chỉ, điệu bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu hoàn cảnh giao tiếp.
3. Làm quen với đọc – viết	
MT48: Trẻ có thể chọn sách để xem. - Trẻ mô tả được hành động của các nhân vật trong tranh.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt. Nhận dạng một số chữ cái - Mô tả sự vật hiện tượng, hoạt động trong tranh ảnh...
MT49: Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giờ từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”).	- Làm quen với cách sử dụng sách, cách đọc sách. - Đọc truyện qua sách tranh/tranh vẽ, nhận dạng được một số chữ cái. - Phân biệt phần mở đầu và kết thúc của sách.
MT50: Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm.	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường dành cho người đi bộ.

	- Nhận dạng một số chữ cái
MT51: Sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng, ...	- Trẻ làm quen với cách viết tiếng Việt (hướng viết của các nét chữ: từ trái sang phải, từ trên xuống dưới). - Làm quen với công cụ viết và đưa tay theo nét của chữ cái, tập tô, đồ các nét chữ. - Nhận dạng một số chữ cái
IV. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KĨ NĂNG XÃ HỘI	
1. Phát triển tình cảm	
1.1 Thể hiện ý thức về bản thân	
MT52: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ. - <i>Trẻ biết vị trí bản thân trong gia đình.</i> - <i>Có kĩ năng sống hàng ngày.</i>	- Trẻ giới thiệu về bản thân, nói được tên tuổi của bố mẹ. - <i>Biết mình là con thứ mấy trong gia đình</i> - <i>Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.</i>
MT53: Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được. - Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn	- Thích làm theo những suy nghĩ, những điều mình thích... - Điểm giống và khác của mình với bạn. - Tự giác thực hiện công việc đơn giản hàng ngày: Cát đồ chơi sau khi chơi xong, không vứt rác, bẻ cây, cắt ghế sau khi về....
1.2 Thể hiện sự tự tin, tự lực	
MT54: Hợp tác và chơi thân thiện với bạn bè. - Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	- Biết làm việc cá nhân và phối hợp với bạn, rủ bạn cùng chơi. Nhanh chóng hoà nhập với bạn bè chơi vui vẻ, thoải mái, đoàn kết quan tâm chia sẻ giúp đỡ bạn. - Mạnh dạn lựa chọn đồ chơi, chơi theo ý thích.

MT55: Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	- Biết thực hiện một số quy định của trường, lớp. Hoàn thành công việc cô giao, người lớn, bạn trong nhóm giao: Thu dọn đồ dùng sau khi chơi xong, khoá vòi nước khi không dùng...
1.3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh	
MT56: Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh. - Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên. - Trẻ biết thể hiện sự quan tâm với người khác bằng cử chỉ, lời nói, hành động. <i>Trẻ biết thể hiện tình cảm, cảm xúc đối với mọi người; xã hội</i>	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, ngạc nhiên. - Biểu lộ một số cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, vẽ, xếp hình... - Vẽ khuôn mặt biểu lộ cảm xúc - Nói lời động viên, chia sẻ tình cảm với người khác. - Thể hiện cử chỉ, hành động quan tâm đến người khác. - Xem tranh ảnh về hoàn cảnh khó khăn của trẻ em, suy nghĩ và hành động của trẻ em. - Thực hiện các hoạt động thiện nguyện. - Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau
MT57: Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ. - Trẻ thể biết hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Biết về Bác, nơi yên nghỉ của Bác; luôn kính yêu và biết ơn Bác Hồ. - Biết hát múa đọc thơ về Bác Hồ, cắt dán dây hoa trang trí lớp nhân ngày sinh nhật Bác Hồ.
MT58: Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước.
2. Phát triển kỹ năng xã hội	
2.1. Hành vi và qui tắc ứng xử xã hội	

MT59: Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	- Giáo dục trẻ thực hiện một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).
MT60: Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi phù hợp. - Dạy trẻ ứng xử văn minh.
MT61: Trẻ chú ý lắng nghe khi cần thiết - Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. - Chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động, hợp tác chia sẻ với cô và các bạn. Hướng dẫn trẻ kiên nhẫn, biết chờ đến lượt, hợp tác cùng cô và các bạn trong mọi hoạt động.
MT62: Trẻ biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật ...). <i>Trẻ bày tỏ thái độ trước các hành vi của mọi người.</i>	- Tổ chức các hoạt động giáo dục dưới hình thức nhóm: Trò chơi theo nhóm, nhiệm vụ của nhóm, hoạt động tại các góc chơi... - Quan tâm, giúp đỡ bạn, chơi hoà thuận với bạn. - Phân biệt hành vi “Đúng – sai”; “Tốt – xấu” - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “Đúng – sai”; “Tốt – xấu”.
2.2. Quan tâm đến môi trường	
MT63: Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc. - Không bẻ cành, bứt hoa. - Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật cây cối, tìm hiểu về cây cối con vật... - Không ngắt lá bẻ cành, biết bảo vệ cây xanh nơi lớp học, trường, nơi công cộng - Giữ gìn vệ sinh môi trường. Thực hành các quy định, giữ gìn và sử dụng tiết kiệm các sản phẩm lao động.

MT64: Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	- Tiết kiệm điện, nước: Tắt điện khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước, không để nước tràn...
V. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ	
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống gần gũi xung quanh trẻ và trong các tác phẩm nghệ thuật	
MT65: Trẻ bộc lộ cảm xúc phù hợp trước vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng xung quanh và các tác phẩm nghệ thuật	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc (nghe, hát, vận động theo nhạc) và hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình)	
MT66: Trẻ thích nghe nhạc, nghe hát, thích nghe đọc thơ, nghe truyện kể; chú ý lắng nghe, nhận ra giai điệu quen thuộc; hát đúng, hát diễn cảm bài hát mà trẻ yêu thích.	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ ...
MT67: Trẻ biết phân biệt âm sắc của một số dụng cụ âm nhạc quen thuộc và biết sử dụng để đệm theo bài hát, bản nhạc. - Trẻ thực hiện vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	- Nghe âm thanh các nhạc cụ âm nhạc và nhận ra các âm thanh đó. - Tự lựa chọn được các nhạc cụ, dụng cụ (trống con, trống cơm, phách, mõ...) để gõ đệm theo tiết tấu, nhịp điệu của bài hát.
MT68: Trẻ có một số kĩ năng tạo hình đơn giản: vẽ các nét thẳng, nét xiên, nét ngang... tô màu, xé, cắt theo đường thẳng đường cong... tạo thành sản phẩm đơn giản có màu sắc, bố cục hài hòa.	- Sử dụng các kĩ năng vẽ, tô màu để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét. - Các kĩ năng xé dải, xé bầm, xé lượn... - Cầm kéo cắt các đường thẳng, cong, xếp hình dán để tạo ra sản phẩm
MT69: Trẻ biết sử dụng các dụng cụ,	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình,

vật liệu, phối hợp màu sắc, hình dạng, đường nét để tạo ra sản phẩm có nội dung và bố cục đơn giản. - Trẻ biết sử dụng đa dạng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo theo ý thích.	vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm. - Sử dụng các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét (cắt – xé dán theo mẫu, đề tài). - Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.
MT70: Trẻ biết làm lõm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	- Dùng ngón tay miết mịn, ấn lõm...để tạo ra sản phẩm nặn
MT71: Trẻ biết phối hợp các kĩ năng vẽ, nặn, xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	- Hướng dẫn cho trẻ tập làm đồ chơi về: các loại hoa, quả,...từ các nguyên vật liệu thiên nhiên, đồ dùng đã qua sử dụng.
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật	
MT72: Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc. - Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát. - Trẻ biết linh hoạt sáng tạo lựa chọn vận động theo ý thích của cá nhân trẻ.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. - Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc. - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát - Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.
MT73: Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. - Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình. - Trẻ nhận xét được các sản phẩm tạo	- Trình bày ý tưởng của trẻ từ lựa chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm mà trẻ sắp làm. - Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. - Trò chuyện và gợi mở cho trẻ đặt tên cho sản phẩm của mình, của bạn - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc,

hình vẽ màu sắc, đường nét, hình dáng. - Biết giữ gìn sản phẩm của mình, của bạn, biết bảo vệ cái đẹp.	hình dáng, đường nét, bố cục, sáng tạo về sản phẩm của mình và của bạn. - Trẻ nhận xét, về quá trình tạo ra sản phẩm, chia sẻ cách làm.
---	--

4.2. Dự kiến các chủ đề thực hiện trong năm học độ tuổi 4-5 tuổi:

TT	Tên chủ đề	Tên chủ đề nhánh	Tuần	Thời gian thực hiện	Các sự kiện
1	LỚP MẪU GIÁO CỦA BÉ	Cô giáo và các bạn	1	09/09-013/09	<i>Tốt trung thu</i>
		Đồ chơi ở lớp và các hoạt động trong trường, lớp bé thích	1	16/09-20/09	
		Ngày tết trung thu	1	23/09 - 27/09	
2	DINH DƯỠNG, SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN	Năm giác quan	1	25/9 - 29/09	
		ẩm thực (món ăn) Việt Nam	1	02/10 - 06/10	
		Đồ dùng để ăn uống	1	9/10 - 13/10	
		Đảm bảo an toàn cho bé	1	16/10 - 20/10	<i>Ngày thành lập HLHPN 20/10</i>
3	GIA ĐÌNH CỦA BÉ	Bố mẹ và những người thân yêu	1	23/10 - 27/10	
		Sở thích, thói quen của những người thân yêu	1	30/10- 03/11	
		Tuần 2 tháng 11: Hội thi đồ dùng thiết bị dạy học			
		Đồ dùng trong gia đình thân yêu	1	06/11- 10/11	

4	NHỮNG NGHỀ BÉ BIẾT (4 tuần)	Bé yêu cô giáo(20/11)	1	13/11 - 17/11	Ngày nhà giáo VN 20/11
		Bác nông dân	1	20/11 - 24/11	
		Cô y tá, bác sỹ	1	27/11 - 01/12	
		Chú cảnh sát, công an, bộ đội	1	04/12 - 08/12	
5	NHỮNG CON VẬT GẦN GŨI (4 tuần)	Con vật thân quen trong nhà	1	11/12 - 15/12	
		Những con vật trong rừng	1	18/12 - 22/12	Ngày TL QĐND VN 22/12 Giáng sinh 25/12
		Côn trùng và chim	2	25/12 - 29/12	Tết DL 01/01
		Những con vật sống dưới nước	1	01/01 - 05/01	
6	THỰC VẬT XUNG QUANH BÉ (4 tuần)	Cây xanh	1	08/01 - 12/01	
		Ngày Tết quê em	1	15/01 - 19/01	
		Mùa xuân và ngày tết trồng cây	1	22/01 - 26/01	
		Các loại hoa, quả	1	29/01 - 02/02	
		06/02 ĐẾN 14/02 NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN 05/02-15,16/02 (Tham gia tết trồng cây).			
7	BÉ ĐI ĐƯỜNG AN TOÀN	Xe đạp, xe máy, ô tô, tàu hỏa	1	19/02 - 23/02	
		Tàu, thuyền, ca nô	1	26/02 - 01/03	

		PTGT đường hàng không	1	04/03 - 08/03	
		Luật giao thông		11/03 - 15/03	Ngày QTPN 08/03
		Thời tiết (nắng, mưa, gió, bão, nóng, lạnh...)	1	18/03 - 22/03	
8	NƯỚC VÀ MỘT SỐ HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN (3 tuần)	Ngày và đêm	1	25/03 - 29/03	
		Vòng tuần hoàn của nước	1	01/04 - 05/04	Tết Hàn thực 03/03
9	QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC BẮC HỒ (4 tuần)	Đất nước Việt Nam tươi đẹp - Thủ đô Hà Nội	1	08/04 - 12/04	Giỗ tổ Hùng Vương 10/03
		Quê hương yêu quý	1	15/04 - 19/04	
		Bác Hồ với các cháu thiếu nhi	1	22/04 - 26/04	
		Cảnh đẹp, di tích lịch sử quê em	1	29/04 – 03/05	Ngày GPMN 30/4 và QTLĐ 1/5
10	NGÀY TẾT THIẾU NHI (2 tuần)	Bé chuẩn bị nghỉ hè - Tạm biệt lớp học và cô giáo	1	06/05 - 10/05	
		Lễ hội 01/06 (lễ hội chuyển lớp)	1	12/05 - 16/05	
19/5 - 23/5: ĐÁNH GIÁ TRẺ CUỐI NĂM HỌC					

**26/5-30/5: LUYỆN TẬP VĂN NGHỆ CHÀO MỪNG NGÀY QUỐC TẾ THIẾU
NHI 01/6 - TỔNG KẾT NĂM HỌC 2024-2025**

5. Độ tuổi trẻ 5-6 tuổi:

5.1. Mục tiêu, nội dung giáo dục độ tuổi 5-6 tuổi:

Lĩnh vực giáo dục	Mục tiêu giáo dục năm học	Nội dung giáo dục năm học
I.GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	1. Phát triển vận động - MT1: Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. + Cân nặng của trẻ: Trẻ trai: 15,9-27,1kg; Trẻ gái: 15,3-27,8kg. + Chiều cao của trẻ: Trẻ trai: 106,1-125,8cm; Trẻ gái: 104,9-125,4cm.	
	Thực hiện được các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp	
	- MT2 : Trẻ có thể thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp điệu bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	Tập vận động các nhóm cơ và hệ hô hấp - Hô hấp: Hít vào thở ra - Tay: + Đưa tay ra trước, sau + Đưa tay ra phía trước, sau + Đánh xoay tròn 2 cánh tay (cuộn. + Đánh chéo 2 tay ra 2 phía trước, sau. + Luân phiên từng tay đưa lên cao. + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẩy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay

		tròn trước ngực, đưa lên cao. - Lưng, bụng, lườn: + Đứng cúi người về trước. + Cúi người về trước, ngửa ra sau. + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay đang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: + Khuyu gối. + Nâng cao chân, gập gối. + Đưa một chân ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Bật về các phía. + Nhảy lên, đưa hai chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.
Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động		
- MT 3: Trẻ có thể giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,3m, một đầu kê cao 0,3m) - Biết đi thăng bằng, không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên	- Tập các vận động cơ bản + Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,3m, một đầu kê cao 0,3m) + <i>Đi trên ván kê dốc có đội vật trên đầu.</i> + <i>Đi trên ván nằm nghiêng</i> + Đi thăng bằng được trên ghế	

	ghế thể dục. - Lấy đà và bật nhảy xa tối thiểu 50cm. - Giữ được thăng bằng khi nhảy xuống từ độ cao 40 cm. - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. - Đứng 1 chân và giữ thăng bằng trong 10 giây - Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu. - <i>Trẻ tự tin, mạnh dạn thực hiện các vận động một cách khéo léo</i>	thể dục + Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát + Đứng 1 chân và giữ thăng bằng trong 10 giây + Bật xa tối thiểu 50cm. Bật nhảy bằng cả 2 chân. + Chạm đất nhẹ nhàng bằng 2 đầu bàn chân và giữ được thăng bằng khi tiếp đất. + Bật liên tục vào vòng + Bật tách chân, khép chân qua 7 ô + Bật qua vật cản cao 15-20cm + Nhảy lò cò ít nhất 5 bước liên tục về phía trước. + Nhảy ở độ cao 40cm. + Lấy đà và bật nhảy xuống. + Giữ được thăng bằng khi chạm đất. + Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối. + Đi nôi bàn chân, tiến lùi. + <i>Giữ được thăng bằng khi nhảy lò cò qua các ô, vòng, không giẫm vào vòng.</i>
	- MT 4: Trẻ có thể kiểm soát được các vận động - Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (Đổi hướng ít nhất 3 lần).	- Tập các vận động cơ bản: + Đi, chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (Đổi hướng ít nhất 3 lần). + Nhảy lò cò ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.
	- MT 5: Trẻ biết phối hợp tay- mắt	- Bắt và ném bóng với người đối

	trong vận động. - Bắt và ném bóng với người đối diện(khoảng cách 3m). - Ném trúng đích đứng (xa 2m x cao 1.5m). - Đi, đập và bắt được bóng nảy đến 4 - 5 lần liên tiếp. <i>- Trẻ có kỹ năng phối hợp tay mắt trong thực hiện vận động</i>	diện (khoảng cách 3m). - Ném trúng đích đứng (xa 2m x cao 1.5m) - Đi, đập và bắt được bóng nảy đến 4 - 5 lần liên tiếp - Trèo lên xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất - Đập và bắt bóng bằng 2 tay. - Tung bóng lên cao và bắt bóng - Tung, đập bắt bóng tại chỗ - Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân. - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. <i>- Vừa đi vừa đập và bắt được bóng bằng 1 tay.</i>
	- MT 6. Trẻ thể hiện khả năng nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp. - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong khoảng 10 giây. - Ném trúng đích thẳng đứng (cao 1,5m- xa 2m). - Bò vòng qua 5 - 6 điểm zíc zắc, cách nhau 1.5m theo yêu cầu. <i>- Trẻ có khả năng trong thực hiện bài tập tổng hợp</i>	- Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong khoảng 10 giây. - Ném trúng đích thẳng đứng (cao 1,5m- xa 2m). - Bò vòng qua 5 - 6 điểm zíc zắc, cách nhau 1.5m theo yêu cầu. - Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian. - Bò bằng bàn tay bàn chân 4m-5m - Bò chui qua ống dài 1,5m x0,6m. - Bò theo đường đích dắc có đội vật trên đầu - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài

	1,5m x 30cm.
Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt.	
- MT 7: Thực hiện được các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay ; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay.	- Các loại cử động bàn tay và ngón tay và cổ tay, - Bẻ, nắn - Lắp ráp, xé, cắt đường vòng cung, tô đồ theo nét.
- MT 8: Trẻ có khả năng phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya). - Tô màu kín, không chồm ra ngoài đường viền các hình vẽ. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu.	- Tự cài và mở hết cúc áo, 2 tà không bị lệch nhau. Thường xuyên tự mặc và cởi được quần áo đúng cách, đôi lúc phải có người giúp đỡ - Cài, cởi cúc, kéo khóa, khâu, luồn, buộc dây. - Cầm bút bằng ngón trỏ và ngón cái, đỡ bằng ngón giữa. Tự tô màu để không chồm ra ngoài. - Đường cắt lượn theo nét vẽ. Không làm rách hình vẽ. - Bôi hồ đều, các chi tiết không chồng lên nhau, dán hình vào đúng vị trí cho trước, phẳng phiu - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số - Lắp ráp, xếp chồng 12-15 khối
2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe	
- MT 9: Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: + Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt,	- Giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe - Giới thiệu các món ăn trong bữa ăn hàng ngày và lợi ích của

	cá, trứng, sữa... + Thực phẩm giàu Vitamin và muối khoáng: rau, quả... + Thực phẩm giàu chất mỡ: dầu thực vật, mỡ động vật, vùng lạc... + Thực phẩm giàu chất đường: gạo, đỗ, đậu, khoai, sắn... - <i>Trẻ biết và xếp được các nhóm thực phẩm phù hợp theo tháp dinh dưỡng.</i>	chúng - Làm các album ảnh về các món ăn - Nhận biết và phân loại được một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm cần có trong bữa ăn hàng ngày. - <i>Xếp các nhóm thực phẩm phù hợp theo tháp dinh dưỡng.</i>
	- MT 10: Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh, xào; thịt có thể luộc, rán, kho, xào; gạo nấu cơm, nấu cháo .	- Kể tên một số thức ăn có trong bữa ăn hàng ngày. Biết được thức ăn đó được chế biến và dạng chế biến đơn giản. - Bé tập làm nội trợ - Các bữa ăn trong ngày và lợi ích của việc ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Sự khác nhau giữa các bữa ăn trong ngày: số lượng cách chế biến, thức ăn bữa chính khác bữa phụ, bữa chính ăn 2 bát ...bữa phụ ăn 1 bát bữa ăn chính là cơm thịt cá, rau...., bữa ăn phụ là cháo, chè
	- MT 11: Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) - Kể được các thức ăn, nước uống có hại: Có mùi hôi /chua/có màu lạ và biết không ăn, uống những thức ăn đó.

	- Trẻ hiểu được lợi ích của việc ăn chín uống sôi và tác hại của những loại thực phẩm không tốt cho sức khỏe. Tự giác không ăn, uống những thực phẩm đó. Nhắc nhở người khác không ăn, uống những thực phẩm không tốt cho sức khỏe.	- Tự giác không ăn, uống những thức ăn đó.
Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt		
	- MT 12: Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản: - Biết tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Biết đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch. - Biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn - Biết tự rửa mặt và chải răng hằng ngày . - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Luôn giữ gìn quần áo, đầu tóc sạch sẽ. - Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch	- Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn, để vào nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch. - Biết rửa tay với xà phòng trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, khi tay bẩn. - Tập luyện thói quen: Rửa mặt, chải răng hàng ngày. - Tập luyện thói quen: Lấy tay che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp. - Luyện tập thói quen và kĩ năng giữ gìn thân thể sạch sẽ gọn gàng: Chải tóc, vuốt tóc khi bù rối, Xóc lại quần áo khi bị xô xệch. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.
	- MT 13: Sử dụng đồ phục vụ ăn uống thành thạo.	- Sử dụng đồ dùng ăn uống đúng cách: Tự xúc cơm, không làm rơi vãi.
Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe		
	MT14 : Trẻ có một số hành vi và	- Rèn một số hành vi và thói

	thói quen tốt trong ăn uống. - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.	quen tốt trong ăn uống: + Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn; + Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn; + Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau; + Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.
	- MT 15: Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh. - Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - <i>Trẻ có ý thức tự giác trong vệ sinh cá nhân không cần người lớn nhắc nhở.</i> - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhò bậy ra lớp.	- Rèn một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: + Vệ sinh răng miệng sau khi ăn, trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. + Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. + Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt. + Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhò bậy ra lớp. - Tập luyện một số thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh : - Nói về lợi ích và tác hại của việc vệ sinh tay, răng miệng thường xuyên và không thường xuyên. - Tự giác thực hiện vệ sinh răng miệng, tay chân theo các bước hướng dẫn. - Lấy tay che miệng khi ho hoặc hắt hơi, ngáp - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù

		hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, sốt, nói cho người lớn biết. - Ích lợi của việc vệ sinh môi trường sạch sẽ: Bỏ rác đúng nơi quy định...
Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh		
	- MT 16: Trẻ nhận biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng....là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.	- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng gây nguy hiểm như: bàn là, phích nước nóng, bếp điện, bếp ga, bếp lò... - Không sử dụng những đồ vật đó. - Biết được tác hại của một số việc nguy hiểm. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Tự nhận ra ít nhất 3 việc làm có thể gây nguy hiểm. - Không tham gia vào việc làm gây nguy hiểm. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
	- MT 17: Trẻ nhận biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm ... là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần.	- Phân biệt được nơi bẩn và sạch. - Phân biệt được nơi nguy hiểm (gần hồ / ao / sông / suối/ vực/ ổ điện...) và không nguy hiểm. - Chơi ở nơi sạch và an toàn. Không chơi ở nơi nguy hiểm. - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm; một số trường hợp khẩn cấp và gọi

		người giúp đỡ.
	- MT 18: Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: + Biết cười đùa trong khi ăn, uống, các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc,.... + Biết không tự ý uống thuốc. + Biết: ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.	- Nhận biết và phòng tránh một số nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc. + Không tự ý uống thuốc. + Không ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.
	- MT 19: Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ. - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu ... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép. - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.	Khi gặp nguy hiểm (bị đánh, bị ngã, bị thương, chảy máu, ...): - Kêu cứu. - Gọi người lớn. - Nhờ bạn gọi người lớn - Hành động tự bảo vệ: chạy khỏi nơi nguy hiểm,... - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, nguy hiểm đến tính mạng: - Người lạ cho quà thì phải hỏi người thân. - Người lạ rủ đi thì không theo - Nhớ địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.
	- MT 20: Trẻ biết thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: - Sau giờ học về nhà ngay, không	+ Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. + Đi bộ trên hè; đi sang đường

	tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt. - Đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào. - Biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc.	phải có người lớn dắt. + Đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. + Không leo trèo cây, ban công, tường rào. - Khi hỏi về tác hại của thuốc lá, trẻ trả lời: hút thuốc lá là độc/hại. - Biết bày tỏ thái độ không đồng tình, ví dụ như: + Chú đừng hút thuốc vì có hại. + Chú đừng hút thuốc ở nơi đông người. + Chú ơi! hút thuốc sẽ bị ho/ốm...đấy.... - Tránh chỗ có người hút thuốc
II.GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	a) Khám phá khoa học	
	Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng	
	- MT 21: Trẻ thích tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?... - Hay đặt câu hỏi. - Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả ... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng được quan sát.	- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và bảo vệ nguồn nước. - Không khí các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây cối.... - Một vài đặc điểm tính chất của đất, đá, sỏi - Phối hợp các giác quan tay, mắt, mũi, da để xem xét, quan sát thảo luận về đặc điểm của lá, hoa, quả, nước... để thảo luận các đặc điểm của đối tượng đó.

	- MT 22: Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển. - <i>Trẻ thích tham gia thực hành thí nghiệm, giải thích được một số hiện tượng xảy ra.</i>	- Đặc điểm, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Trẻ biết được quá trình phát triển của cây, từ hạt nảy mầm cây non, cây trưởng thành. Các điều kiện để cây phát triển. - <i>Thực hành một số thí nghiệm đơn giản.</i>
	- MT 23: Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	- So sánh sự khác nhau, giống nhau của 2,3 đồ dùng, đồ chơi.
	- MT 24: Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau. - Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung.	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu. - Đặc điểm, công dụng của 1 số PTGT và phân loại theo 2-3 dấu hiệu. - Trẻ nói được công dụng và chất liệu của các đồ dùng thông thường trong sinh hoạt hằng ngày. - Trẻ nhận ra đặc điểm chung về công dụng/chất liệu của 3 (hoặc 4) đồ dùng. - Xếp những đồ dùng đó vào một nhóm và gọi tên nhóm theo công dụng hoặc chất liệu theo yêu cầu - Phân loại cây cối, hoa, quả, con vật theo 2- 3 dấu hiệu. Gọi được tên nhóm. - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của cây cối, hoa, quả, con vật. - So sánh sự giống nhau, khác nhau của cây cối, hoa, quả, con

	vật. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. - Nói lên hiện tượng và giải thích được dự đoán của mình (vd: trời có nhiều mây đen là có thể sắp mưa...) - Trẻ hay giơ tay phát biểu trong giờ học. - Hay đặt câu hỏi để tìm hiểu hoặc làm rõ thông tin.
- Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra. - Hay đặt câu hỏi.	
Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản	
- MT 25: Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”. - Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	- Làm thí nghiệm, quan sát, nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: Nắp cốc có những giọt nước do nước bốc hơi... - Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.
Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau	
- MT 26: Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.
Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau	
- MT 27: Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình... - Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề gia đình, trường học, bệnh viện...; mô phỏng vận động/ di chuyển/ dáng điệu các con vật. + Hát các bài hát về cây, con vật,

		mưa, bầu trời, mặt trăng, mặt trời, trái đất... + Hát các bài hát về cây, con vật, mưa, bầu trời, mặt trăng, mặt trời, trái đất... + Vẽ, xé, dán, nặn các con vật, cây, mưa, bầu trời, mặt trăng, mặt trời, TĐ.
	b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
	* Nhận biết số đếm, số lượng	
	- MT 28: Trẻ thích quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Đếm và nói đúng số lượng trong phạm vi 10 (hạt na, cái cúc, hạt nhựa...). - Đọc được các chữ số từ 1 đến 9 và chữ số 0. - Chọn thẻ chữ số tương ứng với số lượng đã đếm được
	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Nhận biết các con số trong cuộc sống hàng ngày và biết ý nghĩa của chúng. Ví dụ: Số nhà, biển xe... - Nhận biết và gắn số tương ứng vào số lượng nhóm đồ vật/đồ chơi/cây/con vật trong phạm vi 10.
	- MT 29: Trẻ có thể so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	- So sánh thêm bớt tạo sự bằng nhau trong phạm vi 10.
	- MT 30: Trẻ biết gộp các nhóm	- Gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau trong phạm

	đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	vi 10 và đếm.
	- MT 31 Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau. - MT 32: Trẻ có thể nhận biết các con số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Tách 10 đồ vật (hạt na, cái cúc, hạt nhựa...) thành 2 nhóm ít nhất bằng 2 cách khác nhau (Ví dụ: nhóm có 3 và 7 hạt và nhóm có 5 và 5 hạt v..v..) - Nói được nhóm nào có nhiều hơn / ít hơn/ bằng nhau. - Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.
	- Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Đọc các con số trên tường, ở các góc chơi, biển số xe.....
* Sắp xếp theo qui tắc		
	- MT 33: Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	- Nói được vị trí của 1 vật so với 1 vật khác trong không gian (ví dụ: cái tủ ở bên phải cái bàn, cái ảnh ở bên trái cái bàn v..v..).
	- MT 34: Trẻ có thể nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	- Nhận ra các quy luật sắp xếp (hình ảnh, âm thanh, vận động...). - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.
	- MT35: Biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	- Tạo ra quy tắc sắp xếp và tiếp tục sắp xếp. - Tiếp tục đúng quy luật ít nhất được 2 lần lặp lại. - Nói tại sao lại sắp xếp như vậy.
* So sánh 2 đối tượng		
	- MT 36: Trẻ biết sử dụng được	- Đặt thước đo liên tiếp.

	một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả. - Trẻ hào hứng, say mê tham gia thực hành trải nghiệm, tập trung quan sát và phân tích kết quả.	- Nói đúng kết quả đo (Ví dụ: bằng 5 bước chân, 4 cái thước). - Sử dụng một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả. + Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. + Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. + Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Thực hành một số thí nghiệm đơn giản, nhận ra kết quả thí nghiệm, giải thích hiện tượng xảy ra.
* Nhận biết hình dạng		
	- MT 37: Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Lấy được các khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ có màu sắc / kích thước khác nhau khi nghe gọi tên. - Lấy hoặc chỉ được một số vật quen thuộc có dạng hình học theo yêu cầu (ví dụ: quả bóng có dạng hình cầu, cái tủ hình khối chữ nhật v.v..) - So sánh chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Tạo ra một số hình hình học

		bằng các cách khác nhau.
* Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian		
- MT 38: Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.		- Nói được vị trí của 1 vật so với 1 vật khác trong không gian (ví dụ: cái tủ ở bên phải cái bàn, cái ảnh ở bên trái cái bàn v..v..). - Nói được vị trí của các bạn so với nhau khi xếp hàng tập thể dục (ví dụ: Bạn Nam đứng ở bên trái bạn Lan và bên phải bạn Tuấn v..v..). - Đặt đồ vật vào chỗ theo yêu cầu (Ví dụ: Đặt búp bê lên trên giá đồ chơi, đặt quả bóng ở bên phải của búp bê...). - Xác định vị trí của đồ vật (phía trước- phía sau ; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
- MT 39: Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự - Phân biệt hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày		- Nói tên các ngày trong tuần theo thứ tự (ví dụ: thứ hai, thứ ba, v..v..). - Nói được trong tuần những ngày nào đi học, ngày nào nghỉ ở nhà. - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Nói được hôm nay là thứ mấy và hôm qua, ngày mai là thứ mấy. - Nói được hôm qua đã làm việc

	- Gọi đúng tên các mùa trong năm. Nói được đặc điểm của các mùa trong năm - <i>Trẻ biết tháng nào tương ứng với mùa ấy, gọi tên được các tháng tương ứng với mùa trong năm.</i> - Nói ngày trên lược lịch và giờ chẵn trên đồng hồ.	- gì, hôm nay làm gì và cô dặn/ mẹ dặn ngày mai làm việc gì. - Thứ tự các mùa trong năm. Nêu được sự khác biệt cơ bản giữa các mùa. - Nói được lịch dùng để làm gì và đồng hồ dùng để làm gì. - <i>Nói được mỗi mùa có 3 tháng và số tháng tương ứng với các mùa.</i> - Nói được ngày trên lịch và giờ chẵn trên đồng hồ (ví dụ: bây giờ là 2 giờ/ 3 giờ v.v..).
c. Khám phá xã hội		
* Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng		
	- MT 40: Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.
	- MT 41: Trẻ nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ, sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình, địa chỉ của gia đình.
	- MT 42: Trẻ nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có) ... khi được hỏi, trò chuyện. + Kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống.	- Kể hoặc trả lời được câu hỏi của người lớn về địa chỉ gia đình mình, số điện thoại của bố (mẹ). - Kể hoặc trả lời được câu hỏi của người lớn về những điểm vui chơi công cộng/ trường học/nơi mua sắm/ khám bệnh ở nơi trẻ sống hoặc đã được đến.

	- Trẻ biết chỉ đường về nhà hoặc ra trường cho người khác hiểu. Nêu được đặc điểm nổi bật trên đường đi (VD: Đi qua trường Tiểu học rồi đến trường Mầm non...).	- Chỉ được đường về nhà hoặc ra trường... cho người khác hiểu.
	- MT 43: Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, địa chỉ, những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường.
	- MT 44: Trẻ nói được tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Kể hoặc trả lời được câu hỏi của người khác về tên gọi, công việc của cô giáo, cô nuôi, bác bảo vệ trong trường.
	- MT 45: Trẻ nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Đặc điểm sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
* Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương		
	- MT 46: Kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống. Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “ Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới...” .	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
* Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh		
	- MT 47: Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả xóm em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...”.	- Tên gọi, đặc điểm nổi bật một số lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương đất nước. Ví dụ Tết trung thu có rước đèn, múa lân, phá cỗ ông trăng; ngày Quốc khánh 2/9 cả xóm treo cờ tổ quốc, bố mẹ nghỉ làm và cho bé đi chơi... - Ngày 20/11 là ngày nhà giáo Việt Nam; ngày 20/10, ngày 8/3

	- Ngày hội truyền thống địa phương tại xã Nghĩa Lâm.	là ngày của bà của mẹ... - Tìm hiểu lịch sử truyền thống về Lễ hội Đền Cù Hoàng Giáp Tam Đẳng Phạm Văn Nghị.
	- MT 48: Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	- Tên gọi, một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh của quê hương, đất nước. - Tên gọi, đặc điểm nổi bật của một số di tích lịch sử của quê hương, đất nước, danh lam, thắng cảnh của quê hương đất nước.
III. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ VÀ GIAO TIẾP	* Nghe hiểu lời nói	
	- MT 49: Trẻ có thể thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.	- Hiểu và làm được 2, 3 yêu cầu liên tiếp .
	- MT 50: Trẻ hiểu nghĩa một số từ khái quát: PTGT, động vật, thực vật, thực vật, đồ dùng gia đình, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...).	- Nói được từ khái quát chỉ các vật (hoặc đồ vật) sau khi được xem tranh vật thật hoặc tranh các vật (hoặc đồ vật) cùng loại và nghe nói mẫu từ khái quát chỉ các vật (hoặc đồ vật) nào đó. Ví dụ: - Trẻ chỉ vào các đồ vật hoặc tranh ảnh về đồ vật đó, nói: “Đây là cái cốc, ca, tách (li/chén. Tất cả được gọi chung là đồ dùng để uống.”; Và trả lời các câu hỏi sau. + Con cá, con cua, con ốc được gọi chung là gì?. + Quả cam, quả chuối, quả đu đủ được gọi chung là gì?. + Con chó, con mèo, con gà được gọi chung là gì?. + Cái bút, quyển sách, cái cặp

		được gọi chung là gì?.” - Giải nghĩa một số từ với sự giúp đỡ của người khác. (Chó là một con vật có bốn chân)...
	- MT 51: Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. - Thể hiện thái độ lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.
	- MT 52: Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi. - Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2, 3 hành động.	- Nhận ra thái độ khác nhau (âu yếm, vui vẻ hoặc cáu giận) của người nói chuyện với mình qua ngữ điệu khác nhau của lời nói. - Nhận ra đặc điểm tính cách của nhân vật qua sắc thái, ngữ điệu lời nói của các nhân vật trong các câu chuyện (ví dụ chuyện Bác gấu Đen và hai chú thỏ, Cây táo thần...). - Biết sử dụng giọng điệu của các nhân vật khác nhau khi kể lại chuyện hoặc kể lại một sự kiện. - Thể hiện được cảm xúc của bản thân qua ngữ điệu của lời nói. - Lắng nghe và hiểu được những lời nói chỉ dẫn của người khác, hiểu được những câu phức và phản ứng lại bằng những hành động hoặc phản hồi tương ứng. - Biểu hiện sự cố gắng quan sát, nghe và thực hiện các qui định

		chung trong chế độ sinh hoạt của lớp (giơ tay khi muốn nói, chờ đến lượt, trả lời câu hỏi, chăm chú lắng nghe...). - Thực hiện được nhiệm vụ phù hợp với chỉ dẫn.
	- MT 53: Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ.	- Thể hiện hiểu ý chính của câu chuyện, thơ, đồng dao: + Tên truyện/bài thơ/đồng dao,... + Các nhân vật. + Tình huống trong câu chuyện. - Kể được nội dung chính trong câu chuyện, bài thơ, đồng dao trẻ được nghe.
* Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày		
	- MT 54: Trẻ có thể kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được .	- Kể một câu chuyện về sự việc đã xảy ra gần gũi xung quanh. - Miêu tả tranh vẽ và các sản phẩm tạo hình của bản thân. - Phát âm đúng và rõ ràng. - Diễn đạt ý tưởng ; Trả lời được theo ý của câu hỏi (ví dụ trả lời rõ ràng câu hỏi “Balô của của cháu ở đâu”). - Phát biểu một cách rõ ràng những trải nghiệm của riêng mình. - Nói với âm lượng vừa đủ, rõ ràng để người nghe có thể hiểu được. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Khi người nghe chưa hiểu rõ trẻ

		có thể kể chậm lại, nhắc lại, giải thích lại.
	- MT 55: Trẻ có thể đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, cao dao... + Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện.	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Mạnh dạn, chủ động giao tiếp với mọi người xung quanh. - Sẵn sàng bắt đầu nói chuyện với người khác. - Biết khởi xướng cuộc trò chuyện bằng các cách khác nhau (nói một câu hoặc hỏi câu hỏi).
	- MT 56: Trẻ có thể kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện. - Đóng được vai của nhân vật trong truyện.	- Kể chuyện đã được nghe theo trình tự . - Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh. - Kể chuyện theo trình tự. - Đóng kịch.
	- MT 57: Trẻ biết sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi. xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống. - Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Trẻ biết điều chỉnh cường độ giọng nói: Nói đủ nghe, không nói quá to, không nói lí nhí. Nói nhỏ trong giờ ngủ ở lớp, nơi công cộng, khi người khác đang làm việc. Không nói to, vui đùa khi có người buồn, bị mệt. - Trẻ nói với một giọng điệu và tốc độ thích hợp, giao tiếp và đàm thoại với người khác với giọng điệu hồn nhiên và cử chỉ thân thiện.

	- Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện.	- Giơ tay khi muốn nói và chờ đến lượt. - Không nói leo, nói trống không, không ngắt lời người khác... - Tập trung không bỏ giữa chừng trong trò chuyện. - Trẻ thể hiện sự tôn trọng người nói bằng việc chỉ đặt các câu hỏi khi họ đã nói xong. - <i>Quyền được bảo vệ: Học cách lắng nghe và tập bày tỏ ý kiến của bản thân trong các cuộc trao đổi, thảo luận với người khác.</i>
*Làm quen với việc đọc – viết		
	- MT 58: Biết chọn sách để “đọc” và xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Chọn sách theo ý thích , phân biệt mở đầu kết thúc của sách , bảo vệ giữ gìn sách.
	- MT 59: Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh.	- Thường xuyên chơi ở góc sách, tìm kiếm sách. - Hay hỏi về chữ viết (truyện viết về gì? Cái đó viết về gì? Chữ đó viết như thế nào? Ai viết?), đề nghị người khác đọc cho nghe hoặc tự đọc. - Hứng thú, nhiệt tình tham gia các hoạt động liên quan đến đọc viết của lớp. - Chú ý đến hành động viết của người lớn (hỏi khi thấy người lớn viết).

	- MT 60: Trẻ thể hiện sự thích thú với sách. Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách - MT 61: Trẻ biết kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của	- Thường xuyên biểu hiện hành vi đọc, giả vờ đọc sách truyện, kể chuyện, ‘làm sách’,... - Hứng thú, nhiệt tình tham gia các hoạt động đọc, kể chuyện theo sách ở lớp (VD: Khi người lớn bắt đầu đọc sách, trẻ có thể tạm dừng việc khác và vui thích tham gia vào hoạt động đọc sách cùng người lớn. - Thể hiện sự thích thú với chữ cái, sách, đọc, kể chuyện. Trẻ mang sách, truyện đến và yêu cầu người khác đọc cho nghe, hỏi, trao đổi về chuyện được nghe đọc. - Để sách đúng nơi qui định. - Giữ gìn sách: không ném, vẽ bậy, xé, làm nhăn, nhàu, hỏng sách, ngồi, dẫm,.. lên sách. - Có thái độ tốt đối với sách.(buồn, không đồng tình khi bạn làm hỏng sách; áy náy lo lắng khi nhìn thấy sách bị hỏng, rách,...). - Nhìn vào tranh vẽ trong sách, trẻ có thể nói được nội dung mà tranh minh họa. - Chỉ vào chữ dưới tranh minh họa và đọc thành tiếng theo trí nhớ để đọc thành một nội dung phù hợp từng tranh minh họa. - Nhìn vào tranh vẽ trong sách, trẻ có thể nói nội dung mà tranh minh họa (VD nhìn tranh vẽ chiếc xe đạp, trẻ nói “Cháu có một chiếc xe đạp, nhưng xe của cháu
--	--	---

	bản thân.	màu đỏ và to hơn”). - Nhìn vào tranh vẽ trong sách, trẻ nói “Quyển truyện này là chuyện về Nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn”. - Nói được thứ tự của sự việc từ truyện tranh và sử dụng lời nói để diễn đạt nội dung câu chuyện.
	- MT 62: Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	- Cầm sách đúng chiều. - Biết cách lật trang (giở trang sách từ trái sang phải, giở từng trang). - Đọc từ trái qua phải, từ trên xuống dưới, đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Biết chọn sách theo ý thích, phân biệt mở đầu, kết thúc của sách, bảo vệ giữ gìn sách.
	- MT 63: Trẻ có thể nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông... + Trẻ biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống.	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống. (Nhà VS, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo GT, đường cho người đi bộ). - Nhận biết ý nghĩa của các ký hiệu quen thuộc trong cuộc sống.
	- MT 64: Trẻ biết nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.	- Nhận dạng được chữ cái viết thường hoặc viết hoa và phát âm đúng các âm chữ cái đã được học. - Phân biệt đâu là chữ cái, đâu là chữ số. - Phát âm đúng chữ cái.
	- MT 65: Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ	+ Tập tô, tập đồ nét chữ. + Sao chép một số ký hiệu, chữ

	cái, tên của mình.	cái, tên của mình.
	- MT 66: Trẻ biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.	- Trẻ biết dùng ký hiệu, hình vẽ thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ của bản thân qua tranh, các đoạn “viết”. - Nói được nội dung của tranh/ đoạn “viết” phù hợp. - Viết lại những trải nghiệm của mình qua những bức tranh hay biểu tượng đơn giản và sẵn sàng chia sẻ với người khác. - Giả vờ đọc và sử dụng ký hiệu chữ viết và các ký hiệu khác để biểu lộ ý muốn, suy nghĩ. - Yêu cầu người lớn viết lời truyện do mình tự nghĩ ra, cố gắng tạo ra những biểu tượng, những hình mẫu ký tự có tính chất sáng tạo hay sao chép lại các ký tự có tính chất sáng tạo hay sao chép lại các ký hiệu, chữ, từ để biểu thị cảm xúc, suy nghĩ, ý muốn, kinh nghiệm của bản thân.
	- MT 67: Trẻ biết “viết” tên của bản thân theo cách của mình.	- Trẻ “viết” tên của mình theo trí nhớ không cần sự giúp đỡ. - Sao chép tên của bản thân theo trật tự cố định trong các hoạt động. - Nhận ra tên của mình trên các bảng ký hiệu đồ dùng cá nhân và tranh vẽ.
	- Biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới.	- Thực hiện viết theo đúng quy tắc của tiếng việt: viết từ trái sang phải, từ trên xuống dưới. - Chỉ được tiếng trong trang sách

		từ trái sang phải, từ trên xuống dưới. - Lấy một quyển sách và yêu cầu trẻ chỉ xem câu chuyện được bắt đầu từ đâu. Trẻ chỉ vào sách từ trên xuống dưới, từ trái qua phải và lật giở các trang từ phải qua trái.
IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KĨ NĂNG XÃ HỘI	* Thể hiện ý thức về bản thân	
	- MT 68: Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	+ Tên, tuổi, giới tính của bản thân, các thành viên trong gia đình. + Vị trí, trách nhiệm của bản thân trong gia đình. + Số điện thoại của gia đình. + Địa chỉ nơi trẻ sinh sống.
	- MT 69: Trẻ nói được điều bé thích, không thích., những việc bé làm được và việc gì bé không làm được. + <i>Bày tỏ được ý kiến về nhu cầu mong muốn điểm mạnh, sở thích của bản thân hoặc người khác gần gũi với trẻ liên quan tới quyền tham gia của trẻ.</i>	+ Sở thích, khả năng của bản thân, mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến của mình. <i>Sử dụng các trò chơi đóng vai để trẻ hiểu rõ hơn về quyền của mình và cách thực hiện quyền đó trong thực tế.</i>
	- MT 70: Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân.	- Chọn và giải thích được lí do chọn trang phục phù hợp với thời tiết (nóng, lạnh, khi trời mưa). - Bạn gái ngồi khép chân khi mặc váy. - Bạn trai sẵn sàng giúp đỡ bạn gái trong những việc nặng hơn khi được đề nghị.
	- Nói được khả năng và sở thích	- Sở thích, khả năng của bản

	riêng của bản thân.	thân: Kể những việc mà mình có thể làm được, không thể làm được và giải thích được lí do (ví dụ: Con có thể bê được cái ghế kia, nhưng con không thể bê được cái bàn này vì nó nặng lắm/ vì con còn bé quá... Hoặc con có thể giúp mẹ xếp quần áo , hoặc trông em hoặc vẽ đẹp hoặc hát hay. - Chia sẻ thông tin chính về bản thân: họ tên tuổi , giới tính và sở thích.
	- MT 71: Trẻ biết đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân.	- Nêu hoặc chọn lựa được các trò chơi, hoạt động mà mình thích (ví dụ: nêu trò chơi hay hoạt động mà mình thích khi được hỏi, ...). - Cố gắng thuyết phục bạn/ người liên quan để những đề xuất của mình được thực hiện.
	- MT 72: Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	- Tự nhận ra khả năng, sở thích của bản thân. - Nhận biết một số khả năng của bạn bè, người gần gũi. VD: bạn Thanh vẽ tranh đẹp, bạn Nam chạy rất nhanh, chú Hùng rất khoẻ, Mẹ nấu ăn rất ngon. - Nói được một số sở thích của bạn bè và người thân VD: Bạn Cường rất thích ăn cá, bạn Lan rất thích búp bê, bố rất thích đọc sách
	- MT 73: Biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình	- Những đặc điểm sở thích , khả năng của mình, chia sẻ thông tin chính của bản thân
	- MT 74: Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ	- Biết vâng lời và làm được

	bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức. <i>- Trẻ thích giúp đỡ bố mẹ, cô giáo, tự giác và chủ động yêu cầu giúp đỡ.</i>	những công việc vừa sức mình. - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động <i>- Tự giác, chủ động giúp đỡ bố mẹ, cô giáo.</i>
* Thể hiện sự tự tin, tự lực		
	- MT 75: Trẻ có thể tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	- Tự giác thực hiện công việc đơn giản hằng ngày mà không chờ sự nhắc nhở - Làm theo nội quy , quy định đơn giản trong sinh hoạt. - Tự cất đồ chơi sau khi chơi. - Tự chuẩn bị đồ dùng / đồ chơi cần thiết cho hoạt động. - Tự xem bảng phân công trực nhật và thực hiện cùng các bạn.
	- MT 76: Trẻ luôn cố gắng tự hoàn thành công việc được giao. - Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc.	- Cố gắng thực hiện công việc được giao. - Tự hào về thành công của bản thân. - Khi làm xong một sản phẩm, trẻ tỏ ra phấn khởi, ngắm nghía, nâng niu, vuốt ve. - Khoe, kể về sản phẩm của mình với người khác. Cất cẩn thận sản phẩm.
* Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh		
	- MT 77: Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ,	- Nhận ra và nói được cách thể hiện cảm xúc qua nét mặt cử chỉ, điệu bộ khi giao tiếp, qua tranh ảnh.

	giọng nói của người khác.	- Trẻ nhận biết và nói được một số trạng thái cảm xúc của người khác : Vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua nét mặt, cử chỉ, điệu bộ khi tiếp xúc trực tiếp, hoặc qua tranh, ảnh. - Trẻ thể hiện những trạng thái cảm xúc của bản thân
	- MT 78: Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ. <i>Trẻ biết thể hiện tình cảm cảm xúc đối với mọi người, xã hội.</i>	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. - Thể hiện vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua lời nói, nét mặt, cử chỉ, và điệu bộ. <i>Nhận biết cảm xúc cá nhân của trẻ để nhận diện đối tượng trẻ có dấu hiệu rối loạn (vận động, học tập, cảm xúc...) .</i>
	- MT 79: Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Nhận ra tâm trạng của bạn bè, người thân (buồn hay vui). - An ủi người thân hay bạn bè khi họ ốm mệt hoặc buồn rầu bằng lời nói, cử chỉ. - Chúc mừng, ca ngợi, cổ vũ người thân, bạn bè khi họ có niềm vui.
	- MT 80: Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...).	- Kính yêu Bác Hồ, nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ.
	- MT 81: Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. Trẻ biết hình ảnh tình cảm của Bác Hồ dành cho các cháu thiếu nhi qua	- Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về bác Hồ. - Những bài thơ, bài hát về Bác dành cho các cháu thiếu nhi, nhi

	các bài thơ, bài hát, qua video...	đồng.
	- MT 82: Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
	- MT 83: Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp - Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh	- Nhận ra cái đẹp - Thích thú, reo lên, xuýt xoa trước cảnh đẹp thiên nhiên, cảnh đẹp trong một bức tranh. - Lắng nghe một cách thích thú tiếng chim kêu. - Nâng niu một bông hoa, một cây non, vuốt ve một con vật non... - Tự điều chỉnh hành vi, thái độ phù hợp - Biết nói khẽ, đi lại nhẹ nhàng khi người khác đang nghỉ hay bị ốm. - Giữ thái độ chú ý trong giờ học - Vui vẻ, hào hứng đối với các sự kiện tổ chức ở nhà và trường: sinh nhật, ngày hội... - Buồn khi phải chia tay với bạn bè, cô giáo khi ra trường
	- Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích	- Trấn tĩnh lại và kiềm chế những hành vi tiêu cực khi có cảm xúc thái quá (như đánh bạn, cào cào, cắn, gào khóc, quăng quật đồ chơi,...) với sự giúp đỡ của người lớn. - Sử dụng lời nói diễn tả cảm xúc tiêu cực (khó chịu, tức giận) của bản thân khi giao tiếp với bạn bè

		và người thân để giải quyết một số xung đột trong sinh hoạt hàng ngày.
	- MT 84: Trẻ dễ hòa đồng với bạn bè trong nhóm chơi	- Nhanh chóng nhập cuộc vào hoạt động nhóm với bạn - Hợp tác với bạn khi tham gia các hoạt động.
	- Trẻ thể hiện được sự chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi.	- Chủ động đến nói chuyện với bạn và người khác khi tham gia vào các hoạt động: tham quan, hoạt động lễ hội. - Sẵn lòng trả lời các câu hỏi trong giao tiếp với những người gần gũi.
	- Trẻ thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi.	- Kể chuyện cho cô và bạn về chuyện vui, buồn của mình. - Trẻ trao đổi, hướng dẫn bạn trong hoạt động cùng nhóm. Vui vẻ chia sẻ đồ chơi với bạn.
	- Trẻ sẵn sàng giúp đỡ khi người khác khi gặp khó khăn.	- Quan tâm giúp bạn khi thấy bạn cần sự giúp đỡ như: khi bạn đau ốm, bạn không làm được. - Sẵn sàng, nhiệt tình giúp đỡ bạn ngay khi bạn hoặc người lớn yêu cầu
	- MT 85: Trẻ có nhóm bạn chơi thường xuyên.	- Phối hợp với bạn khi chơi với nhau. Thể hiện tình cảm của mình với bạn hay cùng chơi. - Thường xuyên chơi và rủ bạn

		cùng tham gia trong các hoạt động.
	- Trẻ trao đổi ý kiến của mình với các bạn.	- Hào hứng tham gia ý kiến, chia sẻ kinh nghiệm của mình với các bạn khi thảo luận. - Dùng lời để trao đổi hoặc nhờ đến sự giúp đỡ khi gặp khó khăn. - Mạnh dạn đưa ra ý kiến của mình trước các bạn trong các hoạt động
	- Trẻ thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè.	- Chia sẻ, hợp tác chấp nhận với bạn khi được giao thực hiện những nhiệm vụ chung. - Đoàn kết, thân thiện với bạn khi tham gia các hoạt động: múa rối, lao động, các trò chơi tập thể, trò chơi dân gian cùng bạn.
	- MT 86: Trẻ chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn	- Tham gia vào việc tổ chức các sự kiện của nhóm. - Nhận và thực hiện vai của mình trong trò chơi cũng nhóm.
	- Trẻ sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.	- Chủ động/ tự giác thực hiện những việc đơn giản cùng các bạn. - Phối hợp với các bạn khi thực hiện, không xảy ra mâu thuẫn
	* Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	
	- MT 87: Trẻ có thể thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: để đồ dùng đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường

	- MT 88: Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn. - Biết cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà. - Thể hiện sự ăn năn, áy náy, xấu hổ, lo lắng khi phạm lỗi (đứng im, đỏ mặt, méu chảy nước mắt, cúi đầu, sợ hãi, ôm lấy người mình trót phạm lỗi) và nói lời xin lỗi
	- MT 89: Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự
	- Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận
	- Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn	- Lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn
	- MT 90: Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình	- Tự nhận ra sự khác biệt của bạn mình. Chấp nhận các sở thích giống và khác nhau giữa mình và các bạn khác (sở thích về món ăn, sở thích về các đồ chơi, trò chơi,...). - Chơi với bạn hòa đồng. Không chê bai bạn về: sản phẩm hoạt động hoặc quần áo, đồ dùng của bạn,... - Nhận ra rằng mọi người có thể sử dụng các từ khác nhau để chỉ cùng một vật (ví dụ như từ Mẹ ở các địa phương hoặc nơi có các dân tộc khác nhau).

	* Quan tâm đến môi trường	
	- MT 91: Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Thích chăm sóc cây cối, con vật thân thuộc. - Vui vẻ nhận công việc tưới cây, cho con vật thân thuộc ăn
	- MT 92: Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...)	- Thường xuyên thực hiện hành vi bảo vệ môi trường - Giữ gìn vệ sinh trong lớp, ngoài đường. - Nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).
	- MT 93: Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	- Tắt điện khi ra khỏi phòng. - Biết sử dụng tiết kiệm nước trong sinh hoạt hàng ngày ở nhà và ở trường
V.GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ	1.Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật	
	- MT 94: Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật
	- MT 95: Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc, thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.	- Nghe các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển) và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc. - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện. - Thể hiện nét mặt phù hợp với

		sắc thái biểu cảm của bài hát hoặc bản nhạc - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu
	- MT 96: Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	- Sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình thể hiện thái độ thích thú khi ngắm nhìn các tác phẩm tạo hình. (về màu sắc, hình dáng, bố cục...).
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình		
	- MT 97: Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát. - Nghe bản nhạc/ bài hát vui hay buồn gần gũi và nhận ra được bản nhạc/ bài hát nào là vui hoặc buồn. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
	- MT 98: Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu
	- MT 99: Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	- Tìm kiếm, lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. - Sử dụng nhiều loại vật liệu để làm ra 1 loại sản phẩm.
	- MT 100: Phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và

		bố cục hài hòa cân đối
	- MT 101: Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối. <i>Trẻ biết sử dụng đa dạng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo ý thích.</i>	- Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục hài hòa cân đối <i>Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.</i>
	- MT 102: Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.
	- MT 103: Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối. - Có ý thức giữ gìn, bảo vệ tôn trọng sản phẩm nghệ thuật - Trẻ được thừa nhận và tôn trọng kết quả sản phẩm được tạo ra theo cách của trẻ.
	- MT 104: Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	- NX các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.
	3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)	
	- MT 105: Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).
	- MT 106: Gõ đệm bằng dụng cụ	- Gõ đệm được bằng dụng cụ

	theo tiết tấu tự chọn.	theo tiết tấu tự chọn.
	- MT 107: Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. - Sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình thể hiện thái độ thích thú khi ngắm nhìn các tác phẩm tạo hình. (về màu sắc, hình dáng, bố cục. - Đặt tên cho sản phẩm.
	- MT 108: Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình - Trả lời được câu hỏi con vẽ/nặn / xé dán cái gì? Tại sao con làm như thế?.

5.2. Dự kiến chủ đề thực hiện trong năm học độ tuổi 5-6 tuổi:

TT	Tên chủ đề	Tên chủ đề nhánh	Tuần	Thời gian thực hiện	Các sự kiện
1	LỚP MẪU GIÁO CỦA BÉ	Cô giáo và các bạn	1	09/09 - 13/09	<i>Tết trung thu</i>
		Đồ chơi ở lớp và các hoạt động trong trường, lớp bé thích	1	16/09 - 20/09	
		Ngày tết trung thu	1	23/09 - 27/09	
2	DINH DƯỠNG, SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN	Năm giác quan	1	25/9 - 29/9	
		ẩm thực (món ăn) Việt Nam	1	02/10 - 06/10	
		Đồ dùng để ăn uống	1	9/10 - 13/10	

		Đảm bảo an toàn cho bé	1	16/10-20/10	Ngày thành lập HLHPN 20/10
3	GIA ĐÌNH CỦA BÉ	Bố mẹ và những người thân yêu	1	23/10-27/10	
		Sở thích, thói quen của những người thân yêu	1	30/10-03/11	
		Tuần 2 tháng 11: Hội thi đồ dùng thiết bị dạy học			
		Đồ dùng trong gia đình thân yêu	1	06/11-10/11	
4	NHỮNG NGHỀ BÉ BIẾT (4 tuần)	Bé yêu cô giáo(20/11)	1	13/11-17/11	
		Bác nông dân	1	20/11-24/11	Ngày nhà giáo VN 20/11
		Cô y tá, bác sỹ	1	27/11-01/12	
		Chú cảnh sát, công an, bộ đội	1	04/12-08/12	
	NHỮNG CON VẬT GẦN GŨI (4 tuần)	Con vật thân quen trong nhà	1	11/12-15/12	
5		Những con vật trong rừng	1	18/12 - 22/12	Ngày TL QĐND VN 22/12

		Côn trùng và chim	2	25/12 - 29/12	<i>Giáng sinh 25/12</i>
		Những con vật sống dưới nước	1	01/01 - 05/01	<i>Tết DL 01/01</i>
6	THỰC VẬT XUNG QUANH BÉ (4 tuần)	Cây xanh	1	08/01 - 12/01	
		Ngày Tết quê em	1	15/01 - 19/01	
		Mùa xuân và ngày tết trồng cây	1	22/01 - 26/01	
		Các loại hoa, quả	1	29/01 - 02/02	
		06/02 ĐẾN 14/02 NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN 05/02-15,16/02 (Tham gia tết trồng cây).			
7	BÉ ĐI ĐƯỜNG AN TOÀN	Xe đạp, xe máy, ô tô, tàu hỏa	1	19/02 - 23/02	
		Tàu, thuyền, ca nô	1	26/02 - 01/03	
		PTGT đường hàng không	1	04/03 - 08/03	
		Luật giao thông		11/03 - 15/03	<i>Ngày QTPN 08/03</i>
		Thời tiết (nắng, mưa, gió, bão, nóng, lạnh...)	1	18/03 - 22/03	
8	NƯỚC VÀ MỘT SỐ HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN	Ngày và đêm	1	25/03 - 29/03	
		Vòng tuần hoàn của nước	1	01/04 - 05/04	<i>Tết Hàn thực 03/03</i>

	(3 tuần)				
9	QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC BẮC HỒ (4 tuần)	Đất nước Việt Nam tươi đẹp - Thủ đô Hà Nội	1	08/04 - 12/04	Giỗ tổ Hùng Vương 10/03
		Quê hương yêu quý	1	15/04 - 19/04	
		Bác Hồ với các cháu thiếu nhi	1	22/04 - 26/04	
		Cảnh đẹp, di tích lịch sử quê em	1	29/04 – 03/05	Ngày GPMN 30/4 và QTLĐ 1/5
10	TRƯỜNG TIỂU HỌC THÂN YÊU (2 tuần)	Bé chuẩn bị để đi học lớp 1	1	06/05 - 10/05	
		Tạm biệt lớp 5 tuổi và cô giáo	1	12/05 - 16/05	
19/5 - 23/5: ĐÁNH GIÁ TRẺ CUỐI NĂM HỌC					
2765-30/5: LUYỆN TẬP VĂN NGHỆ CHÀO MỪNG NGÀY QUỐC TẾ THIẾU NHI 01/6 - TỔNG KẾT NĂM HỌC 2024-2025					

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Thị Hồng Gấm

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Tuyết Lan

